BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI - KỲ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2016 - CỤM THI 41

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005001	BÙI NHẬT LỆ	206220285	5.25	4.60	5.00	6.80				
DDK005002	BÙI THỊ LỆ	206223263	2.75	1.38	4.75		3.25			
DDK005003	ĐÀO THỊ LỆ	206260487	5.00	1.35	4.25	7.40		6.60		
DDK005004	ĐÀO THỊ NHẬT LỆ	206242370	4.25	1.88	5.25		4.25			
DDK005005	ĐINH THỊ MỸ LỆ	206144466	8.00	2.23	4.25	7.20		6.60		
DDK005006	ĐẶNG THỊ ÁNH LỆ	206141464	3.00	2.73	4.75		4.00			
DDK005007	ĐOÀN THỊ NGỌC LỆ	206317780	4.25	1.50	5.25		6.50		5.50	
DDK005008	HỒ THỊ TRÚC LỆ	206221610	5.50		3.50			4.80		7.00
DDK005009	HUỲNH THỊ MỸ LỆ	206236892	5.75	4.23	3.50	6.60				
DDK005010	HUỲNH THỊ THU LỆ	206241678	5.50	3.00	2.75	7.20		6.40		
DDK005011	LÊ THỊ LỆ	206122656	1.25		4.50	3.40		2.80		
DDK005012	LÊ THỊ LỆ	206070410	4.25	3.13	4.25		4.00			
DDK005013	LÊ THỊ MỸ LỆ	201351577	3.00	2.50	4.00		4.50			
DDK005014	LÊ THỊ NGỌC LỆ	206131847	4.75	4.30	3.00		5.00			
DDK005015	LÊ TRẦN MINH LỆ	206120772	3.00	3.00	3.00	5.00		5.40		
DDK005016	LƯƠNG THỊ DIỄM LỆ	206012292	5.00	2.05	4.00	4.20		6.00		4.20
DDK005017	NGUYỄN NHẬT LỆ	206331574	3.50	4.35	5.50	4.60				
DDK005018	NGUYỄN THỊ ÁI LỆ	206065138	5.75	2.50	5.00	6.80		5.60		
DDK005019	NGUYỄN THỊ ÁI LỆ	206360334	5.25	1.88	4.00		4.25			
DDK005020	NGUYỄN THỊ KIM LỆ	206221409	6.00	4.88	4.25	5.40				
DDK005021	NGUYỄN THỊ LỆ	206331866	4.50	4.68	4.00	5.00				
DDK005022	NGUYỄN THỊ LỆ	206192993	2.75	2.70	4.50	5.20				
DDK005023	NGUYỄN THỊ LỆ	206066434	7.25	6.25	5.25	8.00				
DDK005024	NGUYỄN THỊ LỆ	206333917	4.00	4.25	2.75	4.60				
DDK005025	NGUYỄN THỊ LỆ	206236765	6.00	2.60	3.50			4.40		4.20
DDK005026	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	206148054	4.25	3.43	4.25		3.25	5.60		4.00
DDK005027	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	206131360	5.25	2.53	2.00	6.60		6.00		3.60
DDK005028	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	206184129	5.25	3.38	4.50	5.60				
DDK005029	NGUYỄN THỊ NHẬT LỆ	206148183	5.25	6.18	5.00	3.60				

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005030	NGUYỄN THỊ SONG LỆ	205930598			5.50		8.50		4.75	
DDK005031	NGUYỄN THỊ THU LỆ	206006800	3.50		3.50		4.00		2.50	
DDK005032	PHAN THỊ LỆ	206026789	2.00			3.60		5.00		
DDK005033	PHAN THỊ MỸ LỆ	206207191	6.25	2.85	5.25	6.80		7.00		
DDK005034	PHAN THỊ MỸ LỆ	206340075	1.75		3.25		4.00		2.00	
DDK005035	PHAN TRẦN NHẬT LỆ	206200956	4.75	2.58	5.75	5.00		6.60		
DDK005036	PHẠM THỊ BÍCH LỆ	206266945	5.50	2.00	4.00			6.40		
DDK005037	PHẠM THỊ THU LỆ	206069223	3.50	5.20	4.50	5.60				
DDK005038	PHẠM THỊ Ý LỆ	205953858	4.50	3.13	3.00	4.00		2.80		3.60
DDK005039	TĂNG THỊ LỆ	206330189	4.00	3.63	4.00	6.00				
DDK005040	TRẦN THỊ LỆ	206205546	6.00	2.50	4.50	5.00		7.00		4.40
DDK005041	TRẦN THỊ LỆ	206108850	3.75	2.38	3.50					4.40
DDK005042	TRẦN THỊ LỆ	206047265	6.75	1.50	5.00	7.60		6.80		7.60
DDK005043	TRẦN THỊ MỸ LỆ	206063871	3.75	2.25	3.50		6.00		1.75	
DDK005044	TRẦN THỊ NGỌC LỆ	206221797	8.50	2.28	6.50			7.20		7.40
DDK005045	TRẦN THỊ NHẬT LỆ	206304284	4.25	3.23	4.50	4.40	4.00	5.00		
DDK005046	TRƯƠNG THỊ MỸ LỆ	206198909	6.25	2.13	4.50	7.00		5.20		
DDK005047	TRƯƠNG THỊ MỸ LỆ	206089857	5.50	5.40	7.00			5.40		
DDK005048	VÕ NGỌC LỆ	205981528	4.75	2.13	3.25		3.25			
DDK005049	VÕ TÂN NHẬT LỆ	206196141	7.00	3.45	4.25	8.60		7.40		
DDK005050	VÕ THỊ LỆ	206201774	4.00	3.13	3.75	4.20		4.00		
DDK005051	VÕ THỊ MỸ LỆ	206207170	4.50	4.45	2.75	6.00				
DDK005052	ĐINH THỊ HỒNG LÊN	206131967	6.00	4.20	5.00		5.25			
DDK005053	HUỲNH THỊ LÊN	206131871	7.50	3.85	3.50	5.40		5.60		
DDK005054	NGUYỄN THỊ LÊN	206138174	5.25	3.75	4.50		4.50			
DDK005055	NGUYỄN TẤN LÊN	206066365	3.25	2.13	7.00		8.25		7.75	
DDK005056	NGUYỄN VĂN LÊN	206070719	7.25	3.55	4.00	6.80		6.80		6.80
DDK005057	PHAN THỊ THÙY LÊN	206201840	5.75	2.58	4.50			5.60		5.00
DDK005058	PHẠM THỊ BÍCH LÊN	206047535	5.25	6.05	5.25	7.20		5.60		
DDK005059	PHẠM THỊ BÍCH LÊN	206117120	7.50	7.23	9.00		6.00			
DDK005060	THI HOÀNG LÊN	206220504	3.25	2.38	3.50	2.80	4.00	7.00		
DDK005061	TRẦN CÔNG LÊN	206311114	2.00	2.75	3.75		6.00		1.50	
DDK005062	VÕ THỊ LÊN	206081317	4.75	3.10	5.50					
DDK005063	HUỲNH VĂN LỆNH	206107617	7.00	2.63	4.00	7.00		7.20		
DDK005064	NGUYỄN THỊ KHÁNH LI	206268934	3.25	4.50	4.00		3.00		4.75	

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005065	NGUYỄN THỊ TUYẾT LI	206240273	4.75	3.13	3.25	5.00		4.60		
DDK005066	NGÔ THỊ LỊCH	206081693	2.75	2.50	6.00		7.00		3.50	
DDK005067	PHẠM CÔNG LỊCH	206317817	3.75	1.75	2.50		5.00			
DDK005068	TRẦN THỊ MỸ LỊCH	206202399	5.00	2.50	5.25		4.00			
DDK005069	BỜNƯỚCH LIỀU LIÊM	205935747			0.00		0.00		0.00	
DDK005070	BÙI THỊ NGỌC LIÊM	206195739	1.25	1.50	4.75		3.75			
DDK005071	NGÔ BÁ LIÊM	206333359	5.75	2.88	4.00					4.60
DDK005072	NGUYỄN ĐẮC NGỌC LIÊM	206079445	4.75	3.08	3.75	6.00		5.20		
DDK005073	NGUYỄN HOÀNG LIÊM	206265534	5.25	4.00	3.50	5.60				
DDK005074	TRIỆU LÊ THANH LIÊM	206029010	6.50	3.00	4.25	6.60		6.40		
DDK005075	VÕ THÀNH LIÊM	206198903	6.25	2.00	3.00	7.40		6.00		
DDK005076	ZƠ RÂM THỊ LIÊM	205792493	2.25					4.20		4.40
DDK005077	BÙI THỊ MĨ LIÊN	205912204	5.75					5.20		6.20
DDK005078	DƯƠNG THỊ KIÊM LIÊN	206370973	3.25	3.55	2.50			4.40		4.00
DDK005079	ĐOÀN THỊ NGỌC LIÊN	206029425	6.50	1.75	5.00	6.60		6.00		
DDK005080	HỒ NGỌC LIÊN	206370068	6.75	5.08	6.25		5.00			
DDK005081	HOÀNG THỊ LIÊN	206019657	2.83	5.10	2.25	4.00				
DDK005082	HUỲNH THỊ LIÊN	206079026	7.00	5.75	6.00	7.40				
DDK005083	LÊ THỊ KIM LIÊN	206205648	4.25	1.38	3.75		5.00			
DDK005084	LÊ THÙY LIÊN	206131251	7.50	3.33	5.00	7.60		7.20		
DDK005085	LÊ THỤY THANH LIÊN	206296424	5.00	3.50	4.75		5.00	3.60		
DDK005086	LƯƠNG THỊ HỒNG LIÊN	206260722	7.00	2.85	5.75	7.00		6.40		
DDK005087	NGÔ THỊ BÍCH LIÊN	206101634	5.25			7.40		6.40		3.60
DDK005088	NGÔ THỊ LIÊN	206138152	6.50	3.28	4.75	6.60		5.80		
DDK005089	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊN	206306506	1.75	2.63	4.00	3.40	3.50			
DDK005090	NGUYỄN THỊ ÁNH LIÊN	206029405	4.50	2.25	4.75					
DDK005091	NGUYỄN THỊ HOÀNG LIÊN	206084006	6.50	6.45	6.50	6.20				
DDK005092	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	206313204	3.50	2.25	4.75		6.00		4.50	
DDK005093	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	206205434	5.25	2.13	4.00	7.00		5.20		3.80
DDK005094	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	206098664	2.25	2.25	3.00		3.75			
DDK005095	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	206178216	1.25	2.38	5.00		4.50			
DDK005096	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	206283321	5.25	3.53	4.50		4.25			
DDK005097	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	206069532	2.75	2.00	3.25		6.75		3.25	
DDK005098	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	206148076	0.75	2.50	2.75		2.50			
DDK005099	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	206131129	3.75	3.25	4.25			5.40		5.00

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005100	NGUYỄN THỊ LIÊN	206120849	5.25	2.38	4.00	2.20		7.20		5.80
DDK005101	NGUYỄN THỊ LIÊN	206131034	1.25	2.25	2.00		2.50			
DDK005102	NGUYỄN THỊ LIÊN	206178822	3.50	3.23	3.50		4.00			
DDK005103	NGUYỄN THỊ LIÊN	206144231	4.25	2.10	5.25	5.40				
DDK005104	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊN	206029275	4.25	2.38	4.00		4.75			
DDK005105	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊN	206333557	5.50	1.63	4.25	5.00		6.40		
DDK005106	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊN	206178360	5.25	2.25	5.50	4.60		6.20		4.40
DDK005107	NGUYỄN THỊ THU LIÊN	206047269	6.50	3.10	6.75	7.00		5.80		
DDK005108	NGUYỄN THỊ THÙY LIÊN	206141466	7.75	3.95	5.25	7.80		7.20		
DDK005109	PHAN THỊ KIM LIÊN	206240211	6.00	3.48	6.00	4.60	5.50			
DDK005110	PHẠM THỊ BÍCH LIÊN	206065961	7.75	4.28	5.00	8.40				
DDK005111	PHẠM THỊ LIÊN	206119140	4.25	2.63	6.25		7.75		5.75	
DDK005112	PHẠM THỊ LIÊN	206267614	5.00	2.63	4.00			5.00		4.40
DDK005113	TRẦN THỊ HUỲNH LIÊN	206267017	5.75	4.50	4.75	5.80		5.80		
DDK005114	TRẦN THỊ KIM LIÊN	206286059	7.75	4.63	5.00	7.40		7.20		
DDK005115	TRẦN THỊ LIÊN	206362041	6.50	4.03	4.00			3.60		
DDK005116	TRẦN THỊ MỸ LIÊN	206178068	4.75	3.38	5.00		6.00		8.00	
DDK005117	TRƯƠNG CHÂU LIÊN	205930664			5.00		4.75		5.50	
DDK005118	TRƯƠNG THỊ KIM LIÊN	206201990	8.50	2.25	3.50	7.40		6.00		
DDK005119	TRƯƠNG THỊ KIM LIÊN	206019699	2.75	1.95	5.25		3.50			
DDK005120	TRƯƠNG THỊ LIÊN	206144442	3.75	1.38	5.00		4.75		7.00	
DDK005121	TRƯƠNG THỊ MỸ LIÊN	206306508	4.00	2.00	3.00	5.40		4.00		4.20
DDK005122	TƯỞNG KIỀU LIÊN	206070104	7.25					8.20		8.60
DDK005123	VĂN THỊ THÙY LIÊN	206192399	4.50	1.80	3.50			5.20		4.60
DDK005124	VÕ THỊ KIM LIÊN	206195836	4.50	3.25	2.00	4.80	3.75			
DDK005125	VÕ THỊ LIÊN	206012183	2.25	2.13	4.25		3.75			
DDK005126	VÕ THỊ LIÊN	206221940	3.25	2.00	4.50		6.00		0.00	
DDK005127	VŨ THỊ XUÂN LIÊN	206195996	2.00	2.73	2.75		4.50			
DDK005128	NGUYỄN THỊ LIỄN	206131433	6.50	2.23	2.50	6.40		4.60		
DDK005129	TRẦN THỊ LIỄN	206245155	4.00	3.13	5.00		5.00			
DDK005130	NGUYỄN THỊ LIỄN	206116918	3.25	2.25	6.00		6.00		5.50	
DDK005131	ĐỖ VẠN LIÊU	206237897	5.00	2.75	2.00	5.40		4.60		
DDK005132	LÊ THIỆN LIÊU	206084780	4.75	4.13	4.50			7.80		5.00
DDK005133	NGUYỄN ĐÌNH LIÊU	206241381	3.75	4.18	1.25	5.00	2.75	3.20		
DDK005134	NGUYỄN THỊ BÌNH LIÊU	206241284	6.25	4.43	3.75	5.40				

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005135	TRẦN THỊ QUỲNH LIÊU	206238731	3.75	2.63	5.25		6.25		1.25	
DDK005136	HUỲNH THỊ LIỄU	206184913	3.25	2.63	5.50		7.25		8.25	
DDK005137	NGUYỄN THỊ LIỄU	206027725	4.75	1.88	4.00	7.40		4.40		
DDK005138	NGUYỄN THỊ THU LIỄU	206208654	4.00	3.00	4.00	4.40	3.25			
DDK005139	PHAN THỊ LIỄU	206221471	6.25	2.38	4.50	6.80		6.40		
DDK005140	ALĂNG THỊ LIỄU	206152179	6.00	3.00	4.50	6.20		5.40		0.00
DDK005141	BÙI THỊ HỒNG LIỄU	206184571	4.25	4.20	4.25	4.20				
DDK005142	ĐỖ HỒNG LIỄU	206191001	2.25	2.50	3.50	3.20				
DDK005143	ĐẶNG THỊ HỒNG LIỄU	205979530	1.75	1.75	4.50		5.75		3.00	
DDK005144	MAI THỊ THANH LIỄU	206206933	3.25	2.00	3.75		4.50			
DDK005145	NGUYỄN THỊ LIỄU	206141762	3.50	3.38	3.00	4.40	3.75			
DDK005146	NGUYỄN THỊ LIỄU	206221643	4.00	2.30	2.75	4.20	3.50			
DDK005147	NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU	206217565	6.00	4.60	6.50		4.50			
DDK005148	PHẠM THỊ KIM LIỄU	206221407	7.00	8.15	6.75	6.80				
DDK005149	PHẠM THỊ LIỄU	206070754	6.00	2.13	2.50			5.00		5.60
DDK005150	TRƯƠNG THỊ LIỄU	206117030			5.50		7.00		5.75	
DDK005151	NGUYỄN VĨNH LIỆU	206311026	5.00	2.25	2.50	5.40		4.20		
DDK005152	LÊ THÀNH LIM	206079111	4.50	1.98	3.75	4.40		5.20		
DDK005153	ÂU KIỀU LINH	206036761	3.75	4.00	4.75	5.60				
DDK005154	BÙI NHẬT LINH	206333518	6.75	5.00	3.75	7.20		6.20		
DDK005155	BÙI THỊ LINH	206220165	6.75	1.88	5.25		3.00			
DDK005156	BÙI THỊ MỸ LINH	206184910	5.00	2.68	4.00	5.20				
DDK005157	BÙI THỊ MỸ LINH	206116010	3.25	2.25	4.50	4.80		5.40		3.60
DDK005158	BÙI THỊ MỸ LINH	206196596	5.50	5.03	6.00		5.00			
DDK005159	BÙI VĂN LINH	206184929	4.00	7.20	6.00				8.25	
DDK005160	CAO PHAN NHẬT LINH	206201829	3.25	2.25	4.50		5.00			0.00
DDK005161	CAO PHẠM THẢO LINH	206065074	1.50	1.88	2.50		5.75		1.25	
DDK005162	CAO THỊ KHÁNH LINH	206055099	7.00	6.63		6.60				
DDK005163	CAO VƯƠNG LINH	206351321	2.25	1.88	3.50		7.50		3.25	
DDK005164	CHÂU THỊ MỸ LINH	206016301	3.00	2.00	3.00	4.40		5.00		4.00
DDK005165	DƯƠNG KIỀU LINH	206339294	1.75	2.50	1.50		4.25			3.60
DDK005166	DƯƠNG THỊ DIỆU LINH	206066960	3.00	2.13	5.00	3.00	6.50		2.50	
DDK005167	DƯƠNG THỊ NHẬT LINH	206189117	3.25	3.08	3.50		5.00		5.50	
DDK005168	DƯƠNG THỊ THÙY LINH	206340758	6.25		4.00	6.20		6.00		
DDK005169	DƯƠNG VĂN LINH	206301826	5.50	2.38	3.25	4.20				

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005170	ĐỖ NGUYỄN NHẬT LINH	206286458	7.50	2.85	4.75	7.00		7.20		
DDK005171	ĐỖ THỊ ÁNH LINH	206148533	3.50	1.85	4.75		3.50			
DDK005172	ĐỖ THỊ DIỆU LINH	206260532	6.25	3.45	6.00	4.00				
DDK005173	ĐỖ THỊ LINH	206184134	3.75	2.93	3.25		3.25			
DDK005174	ĐỖ THỊ MỸ LINH	206238439	7.75	3.33	5.50	7.00		6.60		
DDK005175	ĐỖ THỊ MỸ LINH	206317576	5.50	2.38	4.50	5.60		4.20		
DDK005176	ĐÀO THỊ DIỆU LINH	206266027	7.00	1.88	4.00	7.20		7.40		
DDK005177	ĐINH HÀ LINH	206317133	2.50	3.83	4.25		2.00			
DDK005178	ĐINH THỊ ÁNH LINH	206029435	4.00	2.38	2.50		4.00			
DDK005179	ĐINH THỊ BẢO LINH	206316335	6.50	4.58	5.75	6.00				
DDK005180	ĐINH THỊ KHÁNH LINH	206263763	4.00	2.50	2.75			5.80		4.60
DDK005181	ĐINH THỊ MỸ LINH	206144422	5.50	3.05	5.00	6.80		5.40		4.40
DDK005182	ĐINH THỊ THÙY LINH	206316101	1.25	2.75	3.00		3.25			
DDK005183	ĐINH THỊ TRÚC LINH	206311005	5.00	3.00	5.25	5.80		4.80		
DDK005184	ĐẶNG BẢO LINH	206036407	2.00	4.00	4.00	4.60				
DDK005185	ĐẶNG HOÀNG MAI LINH	206067959	7.25	4.03	6.00	5.80				
DDK005186	ĐẶNG KHÁNH LINH	206117128	8.25	2.88	3.75	7.80		6.40		6.60
DDK005187	ĐẶNG NGỌC LINH	205597338	4.50			3.60		4.80		3.80
DDK005188	ĐẶNG QUANG LINH	206141146	3.25	2.00	1.75	4.20	3.75	3.40		
DDK005189	ĐẶNG THỊ ÁI LINH	206222506	3.50	2.50	4.50		3.25			
DDK005190	ĐẶNG THỊ DIỆU LINH	206012306	4.25	2.38	4.25	7.40		4.40		4.20
DDK005191	ĐẶNG THỊ HỒNG LINH	206370121	2.50	2.25	3.50		4.50			
DDK005192	ĐẶNG THỊ MỸ LINH	206206913	3.75	2.25	3.00		3.25			
DDK005193	ĐẶNG THỊ MỸ LINH	206202459	5.75	2.63	5.00	4.60				
DDK005194	ĐẶNG THỊ TRÚC LINH	206208768	3.75	2.50	5.00		3.00			
DDK005195	ĐOÀN THỊ BẢO LINH	206319650	6.00	2.05	5.00	6.60		6.00		
DDK005196	ĐOÀN THỊ KIM LINH	206240867	5.50	3.10	5.75					
DDK005197	ĐOÀN THỊ LINH	206029604	3.50	2.38	3.50					4.00
DDK005198	ĐOÀN THỊ MỸ LINH	205981531	1.75	2.50	5.50		3.75		2.75	
DDK005199	ĐOÀN THỊ MỸ LINH	206120173	6.25		5.50	6.80		6.00		
DDK005200	ĐOÀN THỊ NHƯ LINH	206201182	3.00	2.13	4.00		4.50		2.75	
DDK005201	ĐOÀN VŨ LINH	206350336	5.50	1.88	4.50	5.60		6.00		
DDK005202	HỒ LAN LINH	206191070	1.75	2.50	3.25		3.75			
DDK005203	HỒ MỶ LINH	206260719	7.00	1.93	3.25	5.20		8.20		6.40
DDK005204	HỒ QUANG LINH	206037520	4.00		4.00			4.00		4.60

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005205	HỒ THỊ PHƯƠNG LINH	206121662	4.00	1.88	3.50		1.00			
DDK005206	HỒ THỊ TRÚC LINH	206047377	6.25	2.98	4.50	7.80		6.60		
DDK005207	HÀ NGỌC LINH	206178636	1.75	2.18	4.25	3.20		3.20		5.00
DDK005208	HỒNG THỊ THẢO LINH	206070552	7.00	4.65	5.75	4.20				
DDK005209	HOÀNG THỊ LAN LINH	206201936	0.00					0.00		0.00
DDK005210	HUỲNH NGỌC BẢO LINH	206131096	2.00	2.25	2.50		2.25			
DDK005211	HUỲNH PHƯƠNG LINH	206064954	1.50	1.75	2.50	3.20	3.25	3.60	0.50	
DDK005212	HUỲNH THỊ LINH	206000816	5.00					5.20		5.00
DDK005213	HUỲNH THỊ LINH	206047472	6.00	2.50	4.25	6.20		5.80		
DDK005214	HUỲNH THỊ MỸ LINH	206081781	6.25	2.38	4.50	4.40		4.80		6.20
DDK005215	HUỲNH THỊ MỸ LINH	206148222	2.75	2.00	2.50		4.50		5.25	
DDK005216	HUỲNH TẤN LINH	206333220	0.25	3.20	2.75		2.75			3.00
DDK005217	LA THỊ LINH	206312954	3.25	2.38	3.25					4.60
DDK005218	LÊ CẨM ÁI LINH	206286263	8.25	2.13	4.50			7.00		7.40
DDK005219	LÊ CÔNG LINH	206208458	4.75		2.75	5.60	4.00	4.80		
DDK005220	LÊ GIA LINH	206104524	6.75	3.50	6.00			5.60		6.40
DDK005221	LÊ HOÀNG PHƯƠNG LINH	206217469	7.50	4.78	6.25	8.20		6.20		
DDK005222	LÊ LINH	206208361	2.25	2.13	1.00		4.00			
DDK005223	LÊ NGỌC LINH	206123306	0.25		3.50	3.80	3.50	3.80		4.20
DDK005224	LÊ NGỌC LINH	205948008	7.75					7.20		6.00
DDK005225	LÊ NHẬT LINH	206084672	4.75	2.75	6.00	5.00				
DDK005226	LÊ THỊ BÍCH LINH	206283067	3.00	3.45	3.50		3.75			
DDK005227	LÊ THỊ DIỆU LINH	206104872	7.75	2.90	5.50	7.60		7.60		9.20
DDK005228	LÊ THỊ GIAO LINH	206315723	7.25	4.63	5.25	7.00				
DDK005229	LÊ THỊ KHÁNH LINH	206237703	1.25	2.00	4.00		3.50			
DDK005230	LÊ THỊ LINH	206267482	5.75	2.95	3.50	7.00		4.40		
DDK005231	LÊ THỊ LINH	206360192	4.00	3.38	3.25	5.40				
DDK005232	LÊ THỊ LINH	206144086	8.25	4.50	3.75			7.20		8.20
DDK005233	LÊ THỊ LINH	206207734	4.00	3.63	6.25	5.20				
DDK005234	LÊ THỊ MỸ LINH	206148189	8.75	5.08	4.50			7.00		9.20
DDK005235	LÊ THỊ MỸ LINH	206178539	5.00	2.25	4.50		5.50			
DDK005236	LÊ THỊ MỸ LINH	206333032	4.00	4.38	4.00	5.40				
DDK005237	LÊ THỊ MỸ LINH	206216779	6.25		4.00	7.00		5.20		
DDK005238	LÊ THỊ NGỌC LINH	206131985	7.25	3.53	4.00	6.00				
DDK005239	LÊ THỊ NGỌC LINH	206141126	8.00	3.70	5.25			7.00		8.80

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005240	LÊ THỊ THÙY LINH	206184962	6.50	3.30	4.50			7.40		7.00
DDK005241	LÊ THỊ THÙY LINH	206292778	5.75	4.35	5.25	6.00		3.20		
DDK005242	LÊ THỊ THÙY LINH	206144356	5.00	3.50	4.50	5.80		3.80		
DDK005243	LÊ THỊ THÙY LINH	MI3400101072	1.75	2.00	5.75		2.75		1.75	
DDK005244	LÊ THỊ TRÚC LINH	206208093	4.25	4.88	6.25			4.80		
DDK005245	LÊ TRẦN HOÀI LINH	206286248	6.75	2.88	4.50	6.40				
DDK005246	LÊ TRẦN KHÁNH LINH	206141951	1.25	2.50	4.25	0.00				3.60
DDK005247	LÊ TRẦN TIỂU LINH	206131183	6.25	6.08	6.50		3.25			
DDK005248	LÊ TRỌNG LINH	206206808	5.75	2.50	1.50	5.80		3.80		
DDK005249	LÊ VĂN DUY LINH	206070686	7.50	2.80	4.50	5.60		6.40		5.40
DDK005250	LÊ VĂN LINH	206070933	1.75			5.20		6.80		4.40
DDK005251	LÊ VĂN LINH	206067787	1.00	2.00	2.25		2.00	4.00		4.20
DDK005252	LÊ VŨ LINH	205825969	3.75	4.25	3.00	6.00				
DDK005253	LÊ VŨ TRÚC LINH	206204363	7.50	8.45	6.00	6.40				
DDK005254	LÊ XUÂN LINH	206334028	1.00	2.00	3.25		3.00			
DDK005255	LẠI TÀI LINH	206204751	6.75	2.00	4.00	7.80		5.40		
DDK005256	LƯƠNG THỊ LI LINH	206235477	3.00	3.13	2.75		4.25			
DDK005257	LƯƠNG THỊ MỸ LINH	206208715	7.25	1.33	4.75	7.20		5.00		
DDK005258	LƯƠNG THỊ MỸ LINH	206148560	4.25	2.63	3.50	4.40	4.75	3.40	4.75	
DDK005259	LƯƠNG TIỂU LINH	206192558	5.75	3.13	5.25	6.40		4.60		
DDK005260	LƯU THỊ MỸ LINH	206340251	3.25	3.88	4.25		4.00			
DDK005261	LƯU THỊ MỸ LINH	206360529	5.50	2.38	6.50	6.20		4.00		
DDK005262	LƯU THỊ THÙY LINH	206266783	3.25	2.50	2.50		3.75			
DDK005263	MAI KHÁNH LINH	206035204	7.25	4.63	2.75			7.60		7.60
DDK005264	MAI THỊ LINH	206207218	6.75	4.40	5.00	7.00		6.60		
DDK005265	MAI THỊ MỸ LINH	206012779	3.00	2.25	4.00		3.50			
DDK005266	NGÔ CÔNG LINH	206331057	2.50	2.25	1.75					4.00
DDK005267	NGÔ NGỌC LAN LINH	206292501	5.75	2.38	4.75	5.60		5.80		
DDK005268	NGÔ NGỌC LINH	206120788	6.50	2.13	5.25	7.80		7.00		
DDK005269	NGÔ PHÚ LINH	206131578	2.00	2.00	3.00	2.40	4.50	2.40		
DDK005270	NGÔ THỊ ÁNH LINH	206035446	2.00	2.50	3.00		5.50			
DDK005271	NGÔ THỊ DIỆU LINH	206131606	5.75	2.88	5.00	7.40		5.40		
DDK005272	NGÔ THỊ MỸ LINH	205960803	4.50			3.40		4.60		
DDK005273	NGÔ VŨ KIỀU LINH	206332243	6.00	3.83	5.00	4.80				
DDK005274	NGUYỄN CÔNG LINH	206209340	5.75	2.13	2.00	7.00		6.80		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005275	NGUYỄN CÔNG NHẬT LINH	206307168	1.50	2.13	2.50	5.80		3.00		
DDK005276	NGUYỄN DUY LINH	206331524	3.75	3.25	3.50	5.80				
DDK005277	NGUYỄN DƯƠNG MỸ LINH	206065447	6.75	3.38	5.50	7.80		8.40		
DDK005278	NGUYỄN ĐỨC LINH	206221447	2.00	2.63	3.50		4.75			
DDK005279	NGUYỄN ĐINH BẢO LINH	206088260	7.00	5.33	5.50			6.40		8.60
DDK005280	NGUYỄN ĐÌNH QUANG LINH	206304021	2.25	3.13	2.50	2.20	4.00	2.20		
DDK005281	NGUYỄN ĐẶNG TIỂU LINH	205900516	8.75			4.20		6.60		8.20
DDK005282	NGUYỄN GIA LINH	206070555	5.00	2.88	5.00	5.80		7.40		5.40
DDK005283	NGUYỄN HÀ LINH	206217088	6.50	2.55	4.50			6.00		7.00
DDK005284	NGUYỄN HÀ MỸ LINH	206141702	3.00	4.25	4.50	4.00	5.25			
DDK005285	NGUYỄN HÀ YẾN LINH	206035233	5.50	6.73	7.00		5.50			
DDK005286	NGUYỄN HOÀI LINH	206141658	5.50	4.20	4.75			4.00		7.80
DDK005287	NGUYỄN HOÀNG LINH	206121866	7.00		6.75	7.60		5.60		
DDK005288	NGUYỄN HOÀNG THÙY LINH	206284711	7.25	3.70	5.50	8.20				
DDK005289	NGUYỄN KHÁNH LINH	206148474	4.00	2.63	4.00	4.40		5.00		
DDK005290	NGUYỄN KIM PHƯƠNG LINH	206217525	7.50	7.88	5.00	8.60				
DDK005291	NGUYỄN LINH	206120930	6.75	1.88	4.50	5.40		4.60		7.60
DDK005292	NGUYỄN NGỌC BẢO LINH	206206242	4.00	4.18	5.50	2.60	2.75			
DDK005293	NGUYỄN NHƯ LINH	206178695	6.00	3.13	3.00	5.60				
DDK005294	NGUYỄN PHƯỚC THẢO LINH	206118027	6.00	4.78	4.50	3.40		6.80		7.40
DDK005295	NGUYỄN QUANG LINH	206240173	4.75	2.13	4.25		4.00		3.25	
DDK005296	NGUYỄN QUYỀN LINH	206189281	1.75	4.13	3.25		6.25			
DDK005297	NGUYỄN SONG LINH	206332235	5.75	2.25	2.75	7.40		5.00		
DDK005298	NGUYỄN THỊ ÁI LINH	206331411	7.00	7.68	4.25	7.00				
DDK005299	NGUYỄN THỊ ÁNH LINH	206178098	4.00	2.38	3.50		6.00			
DDK005300	NGUYỄN THỊ ÁNH LINH	206217199	6.25	3.38	3.00			6.60		8.40
DDK005301	NGUYỄN THỊ ÁNH LINH	285679191	6.25	5.78	5.75	7.80				
DDK005302	NGUYỄN THỊ CẨM LINH	206203376	6.25			7.00		5.40		
DDK005303	NGUYỄN THỊ DIỄM LINH	206199300	8.25	6.08	5.50	7.20				
DDK005304	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	206141712	7.75	3.25	5.25	7.40		6.80		
DDK005305	NGUYỄN THỊ HẢI LINH	206089864	7.50	5.55	4.50	8.00				
DDK005306	NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	206032427	2.75	2.38	4.50		3.75			
DDK005307	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	206141030	6.50	6.88	6.25	6.40				
DDK005308	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	206131646	5.50	3.90	4.50	5.60		4.40		3.60
DDK005309	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	206178408	1.50	2.50	3.75		4.75			

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005310	NGUYỄN THỊ KIỀU LINH	206267014	6.25	2.25	5.25	7.00		6.20		
DDK005311	NGUYỄN THỊ LINH	206050064	4.75	3.13	4.75	6.40		5.60		3.60
DDK005312	NGUYỄN THỊ LINH	206311044	3.50	2.38	5.00		5.00		5.25	
DDK005313	NGUYỄN THỊ LINH	206131921	5.75	3.60	6.25	6.00				
DDK005314	NGUYỄN THỊ LINH	206207712	8.00	3.00	4.00			6.40		7.60
DDK005315	NGUYỄN THỊ LINH	206318288	3.75	3.10	4.50	3.00	3.75			
DDK005316	NGUYỄN THỊ LINH	206206149	7.00	4.40	4.00	7.00				
DDK005317	NGUYỄN THỊ LINH	206205178	3.25	2.25	2.00		1.25			
DDK005318	NGUYỄN THỊ LY LINH	206236171	4.75	2.38	5.75			5.80		4.00
DDK005319	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206241123	4.00	2.25	3.75		2.25			
DDK005320	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206116057	3.50	2.58	3.25	0.00		5.40		
DDK005321	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206116193	7.00	2.25	4.75	5.80		6.40		6.00
DDK005322	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	205948791	6.50	4.00	5.75	3.40				
DDK005323	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206333874	5.00	2.00	4.25		4.25			
DDK005324	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206267822	3.75	3.23	2.75		4.25			
DDK005325	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206138126	3.00	3.13	4.00		5.50			
DDK005326	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206349440	7.00	3.40	4.00	6.20				
DDK005327	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206189286	4.75	2.75	3.25			6.80		3.80
DDK005328	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206206520	7.00	2.75	3.75	5.40		5.60		
DDK005329	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206144333	5.50	4.80	5.50	2.60				
DDK005330	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206070693	3.25	2.68	6.50	3.60				
DDK005331	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206070522	6.00	3.55	4.75	6.00		6.20		
DDK005332	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206120825	7.00	2.75	2.50	6.20		5.40		
DDK005333	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	206240733	6.75	2.75	5.00	6.40		5.80		
DDK005334	NGUYỄN THỊ MAI LINH	206351292	5.75	2.00	4.00		3.00	4.20		2.60
DDK005335	NGUYỄN THỊ MAI LINH	206065705	4.25	2.75	1.50		3.00			
DDK005336	NGUYỄN THỊ MAI LINH	206178823	3.00	2.88	4.00		2.75			
DDK005337	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	206012607	7.00	4.65	4.50	5.20				
DDK005338	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	206144263	7.25	3.25	4.75			7.80		7.60
DDK005339	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	206144241	4.25	2.95	4.00	6.80		5.00		
DDK005340	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	206144252	5.25	1.80	4.50	7.80		7.40		5.80
DDK005341	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	206066598	3.25			3.60		4.60		4.00
DDK005342	NGUYỄN THỊ TÀI LINH	206260516	6.50	2.18	4.00			7.20		5.80
DDK005343	NGUYỄN THỊ THANH LINH	206268483	7.00	2.25	5.50	4.60		6.80		6.20
DDK005344	NGUYỄN THỊ THUỲ LINH	206148236	5.50	3.75	4.50	5.20		5.20		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005345	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	206306843	2.25	2.93	2.75		3.00			
DDK005346	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	201734358	4.75	3.15	3.50	4.40				
DDK005347	NGUYỄN THỊ TRÀ LINH	206161066	3.50		3.75			4.80		5.00
DDK005348	NGUYỄN THỊ TRÚC LINH	206207951	4.25	3.03	6.00	3.80	4.50			
DDK005349	NGUYỄN THỊ TRÚC LINH	206120855	6.00	1.88	4.25	5.00		6.00		4.40
DDK005350	NGUYỄN THỊ VIỆT LINH	206236193	3.25	1.88	4.50	5.60		3.80		
DDK005351	NGUYỄN THỊ YẾN LINH	206241596	5.00	3.88	4.75	5.40				
DDK005352	NGUYỄN THỊ YẾN LINH	206098654	3.75	2.63	3.75		4.75			
DDK005353	NGUYỄN THÙY LINH	205967381	6.75	3.13	6.25	5.20				
DDK005354	NGUYỄN THÙY LINH	206284693	4.00	2.88	3.25		4.75			
DDK005355	NGUYỄN TẤN LINH	206068028	3.50	3.58	2.25	2.20	5.00		4.00	
DDK005356	NGUYỄN TẤN LINH	206237431	6.50	2.35	2.25	6.60		7.00		
DDK005357	NGUYỄN TRẦN CHÂU LINH	206178672	0.50	2.28	2.50		3.25			
DDK005358	NGUYỄN TRẦN GIA LINH	206144251	7.75	2.73	4.75	7.40		6.60		
DDK005359	NGUYỄN TRẦN HOÀNG LINH	206216638	1.50		3.00		2.00			3.60
DDK005360	NGUYỄN TRẦN MỸ LINH	206316476	1.25	2.13	2.50		3.25			
DDK005361	NGUYỄN TRẦN THỊ BẢO LINH	206088423	6.50	7.53	7.50			6.00		
DDK005362	NGUYỄN TRƯỜNG LINH	206089763	4.25	3.00	4.00	4.60				
DDK005363	NGUYỄN TƯỜNG LINH	206263636	5.75	2.25	4.25	5.20		6.60		5.60
DDK005364	NGUYỄN VĂN HOÀI LINH	206079718	6.25	2.80	6.25			6.60		6.60
DDK005365	NGUYỄN VĂN HOÀNG LINH	206178515	3.50	2.38	3.75		5.50		0.00	
DDK005366	NGUYỄN VĂN LINH	205943199	5.75			7.00		4.40		
DDK005367	NGUYỄN VĂN LINH	205994638	2.00	2.50	2.75		3.25			
DDK005368	NGUYỄN VĂN LINH	206316721	4.25	3.08	2.50			5.20		5.60
DDK005369	NINH QUANG LINH	206065994	6.50	2.00	2.50	6.80		7.20		
DDK005370	PALĂNG THỊ VĨ LINH	206171360	1.75	2.90	5.00		4.00			
DDK005371	PHAN HOÀI LINH	206019190	4.00	2.50	3.75	5.80	4.75			
DDK005372	PHAN MỸ LINH	206148163	5.00	4.23	4.25	5.20		5.80		2.40
DDK005373	PHAN MINH LINH	205948829	4.75			6.20		6.20		
DDK005374	PHAN NGỌC LINH	205903187	6.25	3.98		5.60		5.00		
DDK005375	PHAN NGỌC LINH	206351582	1.75	3.83	2.00		4.50			
DDK005376	PHAN NGUYỄN NHẬT LINH	206121630	6.25		1.50	5.60		5.80		
DDK005377	PHAN NGUYỄN TRÀ LINH	206120775	7.25	4.30	5.50			6.80		8.00
DDK005378	PHAN THỊ DIỆU LINH	206199757	4.75	2.50	5.25		3.25			
DDK005379	PHAN THỊ KIỀU LINH	206148167	4.50	3.00	4.50	5.40		5.60		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005380	PHAN THỊ LINH	206141041	2.50	2.38	4.25	6.60		5.60		
DDK005381	PHAN THỊ MỸ LINH	206206292	4.75	2.93	5.00		4.50			
DDK005382	PHAN THỊ MỸ LINH	206120875	7.25	2.88	5.50	7.20		6.40		
DDK005383	PHAN THỊ MỸ LINH	206208479	0.50	2.25	4.75		3.25			
DDK005384	PHAN THỊ MỸ LINH	206067276	6.25	2.38	4.50	5.80		6.60		
DDK005385	PHAN THỊ MỸ LINH	206360878	3.50	1.88	2.75	4.40				
DDK005386	PHAN THỊ MỸ LINH	206260730	5.75	3.00	4.50	5.80		5.60		
DDK005387	PHAN THỊ MAI LINH	206067983	5.00	2.25	3.00			4.20		
DDK005388	PHAN THỊ NHẬT LINH	206208582	4.00	2.50	3.25	4.20				
DDK005389	PHAN THỊ THÌ LINH	206207420	5.00	2.88	3.50	6.20				
DDK005390	PHAN THỊ THÚY LINH	206318391	4.00	2.38	6.50		3.75			
DDK005391	PHAN THỊ TRÚC LINH	206340614	4.75		6.00		7.00		4.00	
DDK005392	PHAN THÙY LINH	205985940			3.25					
DDK005393	PHAN TRẦN HUYỀN LINH	206079833	3.00	2.35	3.50	3.20				
DDK005394	PHAN VĂN HOÀI LINH	206070675	2.25	3.65	2.75		4.50		5.75	
DDK005395	PHAN VĂN LINH	206269144	5.00	3.28	5.00	5.60		6.60		6.00
DDK005396	PHẠM BẢO LINH	206221319	7.00	6.95	7.00	7.00				
DDK005397	PHẠM HUỲNH LINH	206331669	5.25	2.13	2.50	6.60		5.00		
DDK005398	PHẠM MỸ LINH	206104894	7.50	2.38	3.50	6.60		7.40		
DDK005399	PHẠM PHAN NHẬT LINH	206131531	4.25	3.50	3.75	5.20		3.80		
DDK005400	PHẠM QUANG LINH	206120922	3.50	2.50	3.25	4.60		2.60		
DDK005401	PHẠM THỊ MỸ LINH	206027392	7.50	3.85	5.25	7.20		6.20		6.20
DDK005402	PHẠM THỊ MỸ LINH	205930912	6.75			8.40		7.20		
DDK005403	PHẠM THỊ MỸ LINH	206244693	6.00	3.25	7.50	3.60	4.25			
DDK005404	PHẠM THỊ MỸ LINH	206029440	4.50	2.48	4.00		5.00	3.60		5.00
DDK005405	PHẠM THỊ THÙY LINH	206217474	5.00	3.85	6.00		7.75		7.00	
DDK005406	PHẠM THỊ YẾN LINH	206267512	6.25	2.38	4.25	6.40				
DDK005407	PHẠM THANH LINH	206349752	4.25	2.63	3.50		5.00			
DDK005408	PHẠM VĂN LINH	206034366	1.00	1.63	2.50			4.20		5.20
DDK005409	THÁI THỊ CẨM LINH	205981805	4.00	2.98	4.25		4.00		2.75	
DDK005410	TRÌNH THỊ MỸ LINH	206197250	4.50	3.05	4.25	6.00		4.60		
DDK005411	TRẦN CÔNG LINH	206029717	4.25	2.75	3.50	5.60		4.00		
DDK005412	TRẦN DUY DIỆP LINH	206138069	7.75	4.98	6.25			7.00		8.20
DDK005413	TRẦN ĐĂNG NHẤT LINH	206206954	5.25	2.00	6.25	7.00		6.20		
DDK005414	TRẦN ĐÌNH LINH	205885271	6.50			7.60		5.60		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005415	TRẦN KHÁNH LINH	206220505	6.75	5.38	7.00	7.20				
DDK005416	TRẦN LÊ TỐ LINH	206148384	5.00	2.55	5.00	6.80				
DDK005417	TRẦN LINH	206150602	2.00		2.50			3.20		3.40
DDK005418	TRẦN NGỌC LINH	206050155	1.25	3.25	3.50	4.00	4.75			
DDK005419	TRẦN NGUYỄN DIỄM LINH	206319648	5.50	3.03	5.50			7.40		6.20
DDK005420	TRẦN PHẠM BẢO LINH	206220101	5.00	4.35	6.75		8.25		9.00	
DDK005421	TRẦN QUANG LINH	206206470	5.00	2.38	4.50	5.80		5.40		
DDK005422	TRẦN QUANG LINH	206070956	3.00	2.25	1.25		2.00			2.40
DDK005423	TRẦN THỊ ÁNH LINH	206029128	5.50	2.88	5.50	6.40		4.80		
DDK005424	TRẦN THỊ CẨM LINH	205969248	5.50	2.38	4.00	7.00		5.60		
DDK005425	TRẦN THỊ ĐỨC LINH	206119072	8.00	4.03	3.75			7.60		7.00
DDK005426	TRẦN THỊ HIỀN LINH	206236720	6.25	2.50	4.00	6.40		6.60		
DDK005427	TRẦN THỊ HOÀI LINH	206148777	6.75	2.10	3.75	6.80		6.20		
DDK005428	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	206131649	3.50	3.25	2.75	5.00		6.20		
DDK005429	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	206084050			5.00		5.75		3.75	
DDK005430	TRẦN THỊ KIỀU LINH	206201628	3.75	2.25	5.25		4.50			
DDK005431	TRẦN THỊ LAN LINH	206121873	5.00		4.25			4.60		5.40
DDK005432	TRẦN THỊ LINH	206035285	2.00	1.88	5.25		4.00		3.75	
DDK005433	TRẦN THỊ MỸ LINH	206220696	6.25	2.53	5.50	6.60				
DDK005434	TRẦN THỊ MỸ LINH	206106660	6.25	2.25	5.00	6.60		5.20		
DDK005435	TRẦN THỊ NGỌC LINH	206160470	5.50	2.25	4.75			5.20		4.00
DDK005436	TRẦN THỊ NGỌC LINH	206106381	5.25	2.25	5.50	3.40	5.25	2.80		
DDK005437	TRẦN THỊ PHƯỚC LINH	206144248	6.75	3.35	5.25	6.60				
DDK005438	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	206141741	6.75	6.90	3.50	7.80				
DDK005439	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	206037180	4.50	5.75	7.00		5.00			
DDK005440	TRẦN THỊ THẢO LINH	206044466	6.75	6.25	5.50	6.60				
DDK005441	TRẦN THỊ TRÚC LINH	206121927	5.50		5.00	4.20		4.20		5.00
DDK005442	TRẦN THANH LINH	206088687	3.75	2.13	4.00	4.40		5.20		3.80
DDK005443	TRẦN VĂN LINH	209131091	5.25	3.95	4.25	5.60				
DDK005444	TRẦN VIẾT LINH	205985986			2.00		5.00		1.50	
DDK005445	TRẦN VŨ LINH	206201824	6.25	6.83	6.00	6.60				
DDK005446	TRỊNH THỊ MỸ LINH	206098667	4.75	3.68	5.25		4.50			
DDK005447	TRƯƠNG THỊ HOÀI LINH	206035267	6.25	5.20	6.75		4.25			
DDK005448	TRƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	206036749	5.25	4.25	4.00	4.20				
DDK005449	TRƯƠNG THỊ LINH	206207674	2.25	2.75	4.25	4.00	3.00			

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005450	TRƯƠNG THỊ LINH	206120106	5.75	2.88	4.50	5.00		3.80		
DDK005451	TRƯƠNG THỊ MỸ LINH	206204752	4.25	1.88	4.75		4.25			
DDK005452	TRƯƠNG THỊ MỸ LINH	206079010	2.50	2.25	4.50		5.25		5.50	
DDK005453	TRƯƠNG THỊ NHẬT LINH	206033297	5.75	1.88	4.00	4.40		4.60		
DDK005454	TRƯƠNG THỊ THÙY LINH	206361736	4.75	2.38	3.75		3.00			
DDK005455	TRƯƠNG THỊ THÙY LINH	206208503	5.00	3.38	6.00		4.00			
DDK005456	TRƯƠNG VĂN LINH	206316473	5.75	3.05	2.00	4.40				
DDK005457	TRƯƠNG VÕ DIỆU LINH	206066925	4.50					4.80		5.60
DDK005458	VĂN PHẠM KIỀU LINH	206206851	7.00	6.65	6.50	7.40				
DDK005459	VĂN THỊ MỸ LINH	206033295	3.00	3.75	4.75		4.75			
DDK005460	VĂN THỊ THÙY LINH	206150634	4.00					5.40		5.20
DDK005461	VÕ DIỆU LINH	206148525	5.50	1.75	3.75	6.20		7.60		4.40
DDK005462	VÕ ĐĂNG HOÀI LINH	206208296	6.00	1.75	3.00	3.20		5.20		5.60
DDK005463	VÕ NGỌC LINH	206332126	4.00	2.25	3.75	5.40		3.60		
DDK005464	VÕ TÀI LINH	206103676	5.00			6.40		4.80		4.40
DDK005465	VÕ THỊ DIỆP LINH	206208655	4.00	2.75	3.25	2.40	3.25	4.40		
DDK005466	VÕ THỊ DIỆU LINH	206215089	3.50		4.50		5.25		3.00	
DDK005467	VÕ THỊ DIỆU LINH	206141954	6.50	2.90	3.50	6.00		6.60		6.20
DDK005468	VÕ THỊ HOÀI LINH	206079072	7.25			6.80		6.40		5.20
DDK005469	VÕ THỊ KIỀU LINH	206360757	3.75	2.38	3.75			5.00		3.40
DDK005470	VÕ THỊ LINH	206314029	5.00			6.80		5.00		
DDK005471	VÕ THỊ LINH	206065795	6.75	6.05	6.00	6.20				
DDK005472	VÕ THỊ LINH	206079160	6.50	2.88	6.25	6.80		6.20		
DDK005473	VÕ THỊ LINH	206311103	5.50	2.38	4.25		4.25		1.25	
DDK005474	VÕ THỊ LINH	206079376	4.50	2.75	3.00		2.50		2.25	
DDK005475	VÕ THỊ MỸ LINH	206265413	6.25	5.75	6.25					
DDK005476	VÕ THỊ MỸ LINH	206198842	7.75	2.88	3.25	5.40		4.40		5.80
DDK005477	VÕ THỊ NGỌC LINH	206221630	6.00	2.35	6.00	7.20		6.20		
DDK005478	VÕ THỊ NHẬT LINH	206141304	1.25	2.50	2.75		3.25			
DDK005479	VÕ THỊ NHẬT LINH	206208618	5.75	2.50	4.25	5.40		3.60		
DDK005480	VÕ THỊ THU LINH	206240666	3.50	2.75	5.25		6.50		2.25	
DDK005481	VÕ THỊ THÙY LINH	206266322	5.00	4.58	5.25	5.60				
DDK005482	VÕ THỊ TRÚC LINH	206240726	4.25	3.00	6.00		5.50		1.00	
DDK005483	VÕ THÙY LINH	206047000	8.00	8.48	5.25	8.80				
DDK005484	VÕ TẤN LINH	206070362	3.25	1.63	4.00		5.50		6.75	

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005485	VÕ VĂN LINH	206084404	6.00	2.30	4.50	7.40		8.60		
DDK005486	VÕ VĂN LINH	206208549	6.25	2.38	5.00	7.20		5.20		
DDK005487	VÕ VĂN LINH	206079820	5.00	2.25	4.50	6.40		5.80		
DDK005488	VŨ LINH	206221602	3.75	2.25	3.50	5.40		5.20		
DDK005489	ZƠ RÂM LINH	205975211			3.00		4.25		2.50	
DDK005490	TRẦN QUANG LỈNH	206199396	5.75	2.75	5.50	3.00	3.50	3.40		
DDK005491	TRƯƠNG VĂN LỈNH	206238004	6.50	2.48	5.00	8.20		7.20		
DDK005492	DIỆP HỒNG LĨNH	206268653	6.50	2.35	2.00	7.20		5.40		
DDK005493	ĐINH HOÀNG LĨNH	206244869	2.00	1.25	4.00	3.40	3.50			
DDK005494	ĐOÀN NGỌC LĨNH	206187865	6.00	2.75	3.50	6.00		6.60		
DDK005495	ĐOÀN THỐNG LĨNH	206067181	8.25	1.68	6.00	7.20		7.00		
DDK005496	HỒ QUỐC LĨNH	205823019	7.00			6.80		5.20		
DDK005497	HUỲNH NHẬT LĨNH	206018863	6.50	2.88	4.75	5.00				
DDK005498	HUỲNH VĂN LĨNH	206318606	3.50	1.88	6.00		5.00		6.50	
DDK005499	LÊ HỮU LĨNH	206203934	1.25	2.25	4.00		3.25			
DDK005500	LƯƠNG VĂN LĨNH	206296697	4.25	4.25	4.00	3.80	6.25	5.20		
DDK005501	NGUYỄN NGỌC LĨNH	206263755	4.25	2.00	3.75	5.80		6.60		
DDK005502	NGUYỄN QUANG MẠNH LĨNH	206268619	4.50	2.85	2.25		3.00			
DDK005503	NGUYỄN VĂN LĨNH	206200636	6.50	2.63	2.25	6.40		4.00		
DDK005504	PHAN THANH LĨNH	206120944	7.00	3.00	2.50	7.00		4.80		
DDK005505	TRẦN VĂN LĨNH	206017237	3.50	1.75	3.50	3.40	4.00	5.40		
DDK005506	TRỊNH THỊ HỒNG LĨNH	206065314	7.50	3.00	5.25	7.20		7.80		
DDK005507	VÕ VĂN LĨNH	206360154	6.50	7.38	6.00	7.20				
DDK005508	VÕ VĂN LĨNH	206034545	3.50	2.75	3.75	2.80	4.00	5.40		
DDK005509	VÕ VĂN LÍP	206202219	2.75	2.63	4.75	2.00	5.00	3.20		
DDK005510	BÀN THỊ LOAN	206215086	4.25		5.00	6.40		6.60		4.80
DDK005511	BÙI THỊ THANH LOAN	206318691	2.25	2.38	2.75		2.25			
DDK005512	CHU THỊ MAI LOAN	206050085	4.75	4.45	5.00		4.50		3.00	
DDK005513	DƯƠNG THỊ LOAN	206349603	3.50	3.00	4.25	5.60				
DDK005514	ĐỖ THỊ BÍCH LOAN	206131254	6.25	3.58	3.50			6.60		
DDK005515	ĐINH THỊ KIM LOAN	206068081	5.75	2.38	4.75	4.80		6.40		7.00
DDK005516	ĐỒNG THỊ KIM LOAN	206360788	5.75	4.30	3.25	6.00				
DDK005517	ĐẶNG THỊ NHƯ LOAN	206131449	5.75	6.68	7.50	5.20				
DDK005518	ĐOÀN THỊ BÍCH LOAN	206240580	4.75	3.83	5.00			4.80		3.00
DDK005519	ĐOÀN THỊ MỸ LOAN	206079086	5.25	2.93	4.00			6.80		5.00

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005520	HỒ THỊ LOAN	206036226	2.75	2.95	3.75		3.50			
DDK005521	HỒ THỊ LOAN	205987720			4.00		3.75		1.25	
DDK005522	HÀ ÁI LOAN	205924133	7.25	6.15	7.00	7.40				
DDK005523	HUỲNH THỊ TỐ LOAN	206209368	5.00	2.25	3.75		4.25			
DDK005524	LÊ CẨM ÁI LOAN	206286262	7.25	3.85	4.00	7.20		7.40		
DDK005525	LÊ KIỀU VÔN LOAN	206286471	2.75	3.15	3.00		3.75			
DDK005526	LÊ THỊ HOÀNG LOAN	206331509	8.50	2.63	4.50	7.20		7.40		
DDK005527	LÊ TRẦN TƯỜNG LOAN	206055655	7.25	4.53	3.50			8.20		8.40
DDK005528	LƯƠNG THỊ THU LOAN	206339727	5.00		4.75		6.25		4.00	
DDK005529	NGUYỄN CHÂU LOAN	206370989	7.00	2.25	2.50	6.80		6.60		
DDK005530	NGUYỄN NGỌC THANH LOAN	206313276	5.75	3.38	5.25	6.20				
DDK005531	NGUYỄN NHƯ LOAN	206220679	5.00	2.38	3.00			5.40		4.00
DDK005532	NGUYỄN THỊ ÁNH LOAN	206339297	6.00	3.15	6.00		4.25			
DDK005533	NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN	205924621	3.25	5.33	6.25		3.50			
DDK005534	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	206131868	5.75	1.60	2.75	6.40		6.20		
DDK005535	NGUYỄN THỊ LOAN	206220669			0.00		0.00		0.00	
DDK005536	NGUYỄN THỊ LOAN	206236099	4.00	3.03	3.25	5.40				
DDK005537	NGUYỄN THỊ LOAN	206063856	6.25	2.33	3.75	8.00		5.20		
DDK005538	NGUYỄN THỊ LOAN	206178658	7.50	3.60	4.75	7.80		8.00		6.80
DDK005539	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	206361399	4.75	3.23	3.75	6.60				
DDK005540	NGUYỄN THỊ THÚY LOAN	206221204	4.75	2.43	5.00	4.60				
DDK005541	NGUYỄN THỊ TUYẾT LOAN	206121035	6.50	3.63	5.75	5.60				
DDK005542	NGUYỄN THỊ TUYẾT LOAN	206331474	3.25	2.50	5.75		3.00			
DDK005543	PHẠM THỊ MỸ LOAN	206066678	6.00	5.93	5.75	7.60				
DDK005544	THÁI THỊ TRÚC LOAN	206079868	1.50	3.18	3.00		3.25			
DDK005545	TRẦN THỊ LOAN	206332622	5.25	2.55	3.75	5.60		3.80		
DDK005546	TRẦN THỊ LOAN	205981964	4.25	2.63	5.25		5.00			
DDK005547	TRẦN THỊ TỐ LOAN	206361983	6.75	3.78	5.75			6.80		7.40
DDK005548	TRẦN THỊ THÙY LOAN	206240685	6.25			7.80		6.20		6.00
DDK005549	TRƯƠNG THỊ HỒNG LOAN	206189357	5.25	2.13	3.00		4.50		2.75	
DDK005550	TRƯƠNG THỊ KIM LOAN	206014693	5.75	2.13	3.25	7.80		5.80		
DDK005551	VÕ ĐOÀN CHÂU LOAN	206118914	5.00	2.40	2.00	5.00		5.40		
DDK005552	VÕ THỊ MỸ LOAN	206070489	2.75	2.25	2.75	3.60		4.80		2.80
DDK005553	ALĂNG LONG	206152821	1.25		4.00		4.25		2.75	
DDK005554	BÙI THANH LONG	205939847			4.25		4.00		4.25	

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005555	BÙI VIẾT THIÊN LONG	206315214	5.75			6.20		3.20		
DDK005556	ĐỖ THANH LONG	206333950	2.25	2.13	1.75		4.00			
DDK005557	ĐỖ THANH LONG	206221547	4.75	2.23	4.25	5.00		6.80		3.60
DDK005558	ĐẶNG THANH LONG	206207865	4.50	2.35	3.50	5.40				
DDK005559	ĐOÀN VĂN LONG	206331967	5.25	2.55	4.00	6.00				
DDK005560	HỒ NGỌC LONG	206215117	3.00	2.75	4.00		5.25		3.00	
DDK005561	HỨA NHẬT LONG	206144315	4.50	4.73	2.75	4.00	4.25	4.40		
DDK005562	HÀ PHI LONG	205811128			0.00		0.00		0.00	
DDK005563	HÀ THÂN NHẬT LONG	206098508	2.75	3.75	3.50	5.60				
DDK005564	HUỲNH HỮU LONG	206079708	3.25	2.13	2.00	4.20		4.80		
DDK005565	HUỲNH NGỌC LONG	206118919	6.75	2.88	3.50	5.60		5.00		
DDK005566	HUỲNH PHI LONG	206333869	4.00	2.35	3.75		2.75		3.75	
DDK005567	HUỲNH THIÊN LONG	206237768	4.75	2.55	5.50		6.00			
DDK005568	LÊ BÙI VẠN LONG	206266837	2.50	4.53	3.75			6.80		
DDK005569	LÊ HÀ LONG	205919667	6.50	2.50	2.25	7.40		5.80		
DDK005570	LÊ NGUYỄN HOÀNG LONG	206266686	8.25	3.83	3.50	7.40		6.80		3.20
DDK005571	LÊ THỊ HẠ LONG	206117228	2.75	3.10	7.75		8.75		8.75	
DDK005572	LÊ THÀNH LONG	206131585	3.75	2.65	3.00	5.00		4.20		
DDK005573	LÊ THÀNH TUẤN LONG	205779854	5.00			5.20		4.00		
DDK005574	LÊ TẤN LONG	206089770	7.00	2.00	2.75			6.80		7.60
DDK005575	LÊ TRỌNG LONG	206148141	2.25	2.38	2.50		4.25			4.00
DDK005576	LÊ VIẾT LONG	205806318	0.50			3.00		3.60		
DDK005577	LÊ VŨ LONG	206286370	6.25	2.03	4.50	6.00		5.20		
DDK005578	LƯƠNG NGUYỄN TẤN LONG	206131593	3.75	2.38	2.25	5.60		6.60		3.40
DDK005579	LƯƠNG QUANG LONG	206221387	5.25	2.13	4.50		4.50		2.50	
DDK005580	LƯU HOÀNG LONG	025988496	1.50	1.88	4.00	3.60		3.20		
DDK005581	MAI HOÀNG LONG	206131296	2.25	2.75	2.50	6.80		5.80		
DDK005582	MAI THỊ LONG	206209316	6.25	3.00	5.50		5.00			
DDK005583	MAI VÕ HOÀNG LONG	206217159	6.75	2.63	3.25	8.00		7.20		
DDK005584	NGÔ NGỌC LONG	206299312	4.50	4.73	3.75	3.00	4.00	2.40		
DDK005585	NGUYỄN ĐÌNH LONG	206360324	2.75	2.13	1.75	1.80	3.25			
DDK005586	NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG LONG	206315268	5.50	3.50	4.00	7.60				
DDK005587	NGUYỄN HOÀNG LONG	206148262	8.50	4.03	3.25	8.20		7.40		
DDK005588	NGUYỄN HOÀNG LONG	206037468	5.25		4.25			5.60		5.60
DDK005589	NGUYỄN LÊ HOÀNG LONG	206371803	3.50	2.25	2.50	4.60		5.20		3.20

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005590	NGUYỄN QUỐC LONG	206370530	0.50	1.75	1.50	3.20				
DDK005591	NGUYỄN THỊ NGỌC LONG	206138386	1.75					4.40		4.40
DDK005592	NGUYỄN THANH LONG	206067559	2.75	2.13	3.25			4.60		5.60
DDK005593	NGUYỄN THANH LONG	206184054	6.25	2.30	4.00	7.00		7.40		
DDK005594	NGUYỄN THÀNH LONG	206148206	6.25	3.25	2.75	7.80		4.80		
DDK005595	NGUYỄN TẤN LONG	206148733	3.25	1.85	5.00		4.50	4.00		4.40
DDK005596	NGUYỄN TRỊNH HOÀNG LONG	206118152	3.25	2.13	3.00	5.60		5.00		4.00
DDK005597	NGUYỄN VĂN LONG	205960861	1.50	2.73	3.00	6.00		3.40		
DDK005598	NGUYỄN VĂN LONG	206283120	3.50	2.60	2.75			6.60		
DDK005599	NGUYỄN VŨ LONG	206237546	4.00	2.75	3.25		3.50			
DDK005600	PHAN ĐỨC PHƯỚC LONG	206202881	3.00	2.75	2.25			5.80		5.80
DDK005601	PHAN VĂN ĐẠI LONG	206118086	6.25	7.23	5.50	5.60				
DDK005602	PHAN VĂN LONG	206017185	0.00			0.00		0.00		
DDK005603	PHAN VĂN LONG	206117223	7.75	4.00	4.75			8.40		9.60
DDK005604	PHẠM HỒNG LONG	205941999			2.75		3.25		2.00	
DDK005605	PHẠM THÀNH LONG	206207243	4.75	2.13	4.50					4.40
DDK005606	TRÌNH THỊ KIM LONG	206197251	3.00			3.60		3.40		3.40
DDK005607	TRẦN ĐÌNH LONG	206070681	6.00	1.68	3.75	6.40		6.00		3.60
DDK005608	TRẦN KIM LONG	205943598	0.00					0.00		0.00
DDK005609	TRẦN LÊ KHÁNH LONG	206178355	3.50	2.10	3.00	5.20		5.40		3.00
DDK005610	TRẦN NGỌC HOÀNG LONG	206221757	6.00	2.13	3.75	6.40		5.40		4.20
DDK005611	TRẦN NGỌC LONG	206104402	7.25	7.25	7.75	6.80				
DDK005612	TRẦN THANH LONG	206333269	1.50	2.00	2.50		3.50			
DDK005613	TRỊNH TẤN LONG	206360070	5.75	1.88	4.75		5.00		4.50	
DDK005614	VÕ ĐỨC LONG	206286739	6.25	3.08	3.25	6.80		6.80		
DDK005615	VÕ THÀNH LONG	206178000	1.25	3.28	4.00		3.50			
DDK005616	XA VĂN LONG	206260099	5.75	2.18	3.50	3.60				
DDK005617	CAO THỊ LỘC	206084564	2.50	3.55	5.50	3.20	3.75			
DDK005618	CAO THỊ LỘC	206237358	6.00	2.60	3.50	5.00		5.60		
DDK005619	DƯƠNG MINH LỘC	206209321	5.50		3.75	5.40		5.00		
DDK005620	ĐỖ TẤN LỘC	206141902	6.50	4.48	3.50	7.60		6.00		
DDK005621	ĐINH XUÂN LỘC	206235643	6.50			8.00		5.80		
DDK005622	HỒ NGỌC LỘC	206037937	5.50	1.88	2.75	6.00		5.80		4.40
DDK005623	HỒ VIẾT LỘC	206196973	2.25	2.00	7.25		5.75		6.50	
DDK005624	HUỲNH BÁ LỘC	205976307	4.50		3.00	5.60		3.80		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005625	HUỲNH LÊ PHƯỚC LỘC	206360066	6.25	2.25	3.50	7.20		5.00		
DDK005626	HUỲNH PHƯỚC LỘC	206351144	3.00	2.00	4.75		5.75		5.00	
DDK005627	LÊ THỊ ÁI LỘC	206350260	3.75	3.38	6.50		7.00		6.00	
DDK005628	LÊ THỊ BẢO LỘC	206178223	6.50	5.55	5.00	5.60				
DDK005629	LÊ THỊ THIÊN LỘC	206292469	4.75	3.43	5.00		6.00		6.50	
DDK005630	LƯƠNG XUÂN LỘC	206221334	3.00	2.25	5.00		7.00		4.25	
DDK005631	MAI TẤN LỘC	206117962	7.75	3.13	2.00	7.40		6.00		
DDK005632	MAI VĂN LỘC	206079141	1.00	2.13	1.50			5.00		4.00
DDK005633	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	206241644	2.25	2.38	4.50		4.00			
DDK005634	NGUYỄN HỒ ĐẮC LỘC	206318699	2.75	3.00	3.75	7.00				
DDK005635	NGUYỄN HOÀNG LỘC	206070095	5.00	3.23	4.25		4.75		1.25	
DDK005636	NGUYỄN HỮU LỘC	206319175	5.50	2.23	2.50	6.80		6.20		
DDK005637	NGUYỄN KIM LỘC	206351047	5.75	2.25	4.50		5.50	4.60		4.40
DDK005638	NGUYỄN LỘC	206260771	7.50	2.73	2.00	8.20		7.00		
DDK005639	NGUYỄN MINH LỘC	206340157	6.25		2.50	3.80		4.40		
DDK005640	NGUYỄN NGỌC LỘC	206191119	6.00	2.60	2.75	8.00		6.00		
DDK005641	NGUYỄN THỊ LỘC	201736867	6.25	6.45	6.00	7.20				
DDK005642	NGUYỄN THỊ LỘC	206027599	2.75	1.75	4.75		3.25			
DDK005643	NGUYỄN THÀNH LỘC	206316710	4.75	2.05	2.00	6.00		4.40		
DDK005644	NGUYỄN TẤN LỘC	206284698	7.75	6.93	5.00	7.60				
DDK005645	NGUYỄN TẤN LỘC	206078888	5.25	3.10	6.00		6.50		2.75	
DDK005646	NGUYỄN VĂN LỘC	206065607	3.50	1.63	4.00		3.50		3.50	
DDK005647	NGUYỄN VĂN LỘC	206178885	4.25	2.48	3.00		5.75			2.40
DDK005648	NGUYỄN VĂN LỘC	206351091	1.50	1.88	3.50			3.00		
DDK005649	NGUYỄN VĂN LỘC	206109164	0.00	0.00	0.00		0.00			
DDK005650	NGUYỄN VIẾT LỘC	206267891	6.75	2.48	3.50	8.40		6.40		
DDK005651	PHAN BÁ LỘC	206222391	5.00	2.00	4.00	7.00		6.00		5.20
DDK005652	PHAN PHƯỚC LỘC	206131018	1.25	2.00	3.75		3.25			
DDK005653	PHAN XUÂN LỘC	206116966	5.00	5.03	6.00	6.00				
DDK005654	PHẠM HỮU LỘC	206069609	5.75			6.60		6.00		
DDK005655	PHẠM PHƯỚC LỘC	206296216	1.75	1.75	3.25		3.50			
DDK005656	PHẠM VĂN LỘC	206027963			1.75		2.50		1.25	
DDK005657	TĂNG THỊ LỘC	206330155	4.25	2.28	2.50	5.80				
DDK005658	TRẦN KHÁNH LỘC	206299403	4.25			2.40		3.60		
DDK005659	TRẦN THỊ LỘC	206266366	6.25	5.28	8.00		5.25			

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005660	TRẦN VĂN LỘC	206196574	4.75	2.00	2.25	7.20		6.40		
DDK005661	TRẦN VĂN LỘC	206237647	1.50	2.50	4.25		5.25			
DDK005662	TRẦN VĂN LỘC	206178250	4.50	3.75	3.50	4.20	4.75	3.20		
DDK005663	TRƯƠNG PHƯỚC LỘC	206191513	3.00	2.85	3.75	7.80		5.80		
DDK005664	TRƯƠNG THỊ VŨ LỘC	206332614	5.50	3.65	4.00	6.00				
DDK005665	TRƯƠNG TẤN LỘC	206184658	2.75	2.73	3.00			5.60		5.60
DDK005666	VÕ BÁ LỘC	206066456			2.75		3.75		2.50	
DDK005667	VÕ THỊ XUÂN LỘC	206103979	6.25	7.93	5.00	4.00				
DDK005668	VÕ VĂN LỘC	206103343	7.75			8.00		7.80		
DDK005669	LƯƠNG PHI LỐP	206311126	1.25	2.13	3.00			4.00		4.60
DDK005670	NGUYỄN THỊ TIỂU LƠ	206148332	7.00	2.58	3.25	4.80		7.20		7.20
DDK005671	TRƯƠNG THỊ SA LƠ	206202290	5.50	1.63	4.50			5.80		6.20
DDK005672	VÕ THỊ VẠN LỢI	206138433	5.25	2.23	5.25	6.80		6.40		4.20
DDK005673	LÊ TỰ LỜI	205750086			4.00		3.75		2.50	
DDK005674	NGÔ THỊ LỜI	206079007	3.25	3.75	4.00	5.20				
DDK005675	NGUYỄN VĂN LỜI	205980068	3.25	1.88	3.00					5.60
DDK005676	ALĂNG LỢI	205975085			4.25		4.50		4.00	
DDK005677	CHÂU THỊ LỢI	206339393	6.25		6.50	7.40		6.20		
DDK005678	DIỆP THẾ LỢI	221318207			4.50		5.00		4.50	
DDK005679	DƯƠNG HUỲNH LỢI	206237186	6.50	2.00	2.00	6.80		6.60		0.00
DDK005680	ĐỖ VĨNH LỢI	215285603	0.00			2.80		3.40		
DDK005681	ĐOÀN VĂN LỢI	206120872	2.75	2.13	4.25		4.50		1.75	
DDK005682	HỒ THỊ THẢO LỢI	206217446	4.25	3.68	3.00	5.20				
DDK005683	HÀ HUY LỢI	206306500	6.00	2.75	3.50	7.80		6.60		
DDK005684	HUỲNH ĐỨC LỢI	206141196	6.00	3.20	4.25	7.40		5.80		
DDK005685	LA QUỐC LỢI	206360500	6.25	2.00	2.25	6.20		7.20		
DDK005686	LÊ CÔNG LỢI	206303996	2.25	2.25	2.50	3.80	4.00			
DDK005687	LÊ THỊ LỢI	206141310	6.50	2.98	3.75	7.60		7.60		
DDK005688	LÊ THÀNH LỢI	194566712			2.50		4.00		2.75	
DDK005689	MAI MINH LỢI	206235812	4.75	2.93	3.75	5.00		8.20		
DDK005690	NGÔ HỒNG LỢI	206070632	6.50	2.63	4.25	7.40		6.80		
DDK005691	NGÔ THỊ LỢI	206131417	5.25	3.48	6.75		4.25			
DDK005692	NGÔ THỊ LỢI	205976667	6.00	2.33	6.00	5.40		6.00		5.60
DDK005693	NGÔ THỊ MỸ LỢI	206284761	3.25	2.43	2.50	5.80				
DDK005694	NGUYỄN HỮU LỢI	206238091	2.00	2.00	3.00		3.75			

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005695	NGUYỄN THỊ LỢI	206360941	2.25	5.78	2.50	8.00				
DDK005696	NGUYỄN THỊ LỢI	206065065	8.00	7.55	6.25	8.40				
DDK005697	NGUYỄN THỊ LỢI	206141053	6.50	5.60	7.25		4.50			
DDK005698	NGUYỄN THỊ MINH LỢI	206340617	1.50		3.75		4.25		1.50	
DDK005699	NGUYỄN THỊ TẤN LỢI	206332096	1.25	2.00	3.75		4.25			
DDK005700	NGUYỄN THANH LỢI	206178762	1.25	3.63	3.25		5.00		0.00	
DDK005701	NGUYỄN THU LỢI	206131639	5.50	2.75	4.50	4.80		5.00		5.60
DDK005702	NGUYỄN VĂN LỢI	206235396		3.10	3.25		4.00			
DDK005703	PHAN NGỌC LỢI	206199334	5.75	2.25	3.50	7.40		7.60		
DDK005704	PHAN PHƯỚC LỢI	205738016			4.00		6.50		4.25	
DDK005705	PHAN QUỐC LỢI	205960725	0.75	2.23	2.00		2.25			
DDK005706	PHAN TẤN LỢI	206196053	4.50	1.88	3.25	4.00	3.00	4.00		
DDK005707	PHẠM THỊ LỢI	206360103	3.50	2.50	2.00		3.75			
DDK005708	PHẠM VĂN LỢI	206067201	3.75	1.88	2.75		3.25		1.50	
DDK005709	RÍAH LỢI	206170251			3.00		3.75		2.75	
DDK005710	TRẦN PHƯỚC LỢI	206185371	2.50	1.88	4.50	4.60		5.00		
DDK005711	TRẦN QUANG LỢI	206114951	5.25	5.88	5.00	6.40				
DDK005712	TRẦN THỊ LỢI	206138146	5.25	2.83	3.75	7.20		5.40		
DDK005713	TRẦN VĂN LỢI	205936344			3.75		6.00		5.25	
DDK005714	TRỊNH THỊ LỢI	206202221	6.00	2.63	5.50	8.20		6.20		
DDK005715	TRƯƠNG THỊ NGỌC LỢI	206084739	7.25	3.00	5.50			6.80		8.00
DDK005716	TRƯƠNG THỊ THU LỢI	206089911	7.50	5.08	2.75	6.80				
DDK005717	TRƯƠNG VĂN LỢI	205919423	4.75	2.63	3.25	5.00		5.80		3.40
DDK005718	VÕ ĐỨC LỢI	206178552	5.25	2.25	2.00	4.40		5.00		3.40
DDK005719	VÕ ĐÌNH LỢI	206044242	5.75	2.75	4.00			5.40		6.60
DDK005720	VÕ THỊ DANH LỢI	206012513	0.75	2.38	1.75		3.50			
DDK005721	ĐINH VŨ LƠN	206131405	5.75	2.20	4.50	7.20		6.80		
DDK005722	ĐẶNG THỊ LỤA	205993028	6.25	3.13	6.25	5.00		2.80		
DDK005723	LÊ THỊ DUY LỤA	206070670	2.25	2.75	4.50	4.20				
DDK005724	LÊ THỊ KIM LỤA	206266370	2.00	1.63	4.00		5.00		1.75	
DDK005725	LÊ THỊ LỤA	206193092	3.75	1.55	4.50			3.60		4.60
DDK005726	LÊ THỊ LỤA	206221217	4.00	2.88	5.00		3.50			
DDK005727	NGUYỄN THỊ LỤA	205895154	7.00			8.40		6.40		
DDK005728	PHẠM THỊ LỤA	206217232	6.00	5.33	6.00			5.00		6.40
DDK005729	HỒ XUÂN LUÂN	225910771	4.00	6.13	3.75		5.25			

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005730	LÊ ĐỨC NHẬT LUÂN	206301825	5.75	3.43	5.00	6.00				
DDK005731	LÊ VĂN LUÂN	205940983	1.50		1.50		3.00		1.50	
DDK005732	NGUYỄN DUY LUÂN	206317168	3.00	3.50	4.00	3.40	5.00	4.80		
DDK005733	NGUYỄN QUANG LUÂN	206209392	6.50	2.13	3.75	8.80		7.40		
DDK005734	NGUYỄN THÀNH LUÂN	206200594			5.00		4.00		2.25	
DDK005735	TRẦN PHƯỚC LUÂN	206260725	6.00	2.23	3.75	8.20		6.00		
DDK005736	ATING LUẬN	206151410	1.75		2.25	4.20		4.40		
DDK005737	BÙI VĂN LUẬN	206222375	3.75	1.88	4.50		5.75			
DDK005738	DƯƠNG QUỐC LUẬN	205959619	6.50	2.48	4.75	8.20		6.00		
DDK005739	HUỲNH VĂN CÔNG LUẬN	206120717	6.50	2.75	3.50	7.00		6.20		
DDK005740	NGUYỄN ĐĂNG LUẬN	206260976	6.50	3.10	4.25	8.00		6.00		
DDK005741	NGUYỄN NGỌC LUẬN	205744091			4.25		5.25		1.75	
DDK005742	NGUYỄN THỊ LUẬN	206012108	4.50			4.60		4.80		4.20
DDK005743	NGUYỄN VĂN LUẬN	206209367	4.00	2.00	4.00		7.50		2.00	
DDK005744	PHAN THANH LUẬN	206117973			6.50		6.25		7.00	
DDK005745	PHẠM CÔNG LUẬN	206079269	6.00	2.13	4.25	5.40		6.00		
DDK005746	PHẠM THỊ LUẬN	206362518	5.00	2.23	5.25	6.60				
DDK005747	PHÙNG THỊ LUẬN	206106522	4.50	2.50	4.00	5.60		5.60		
DDK005748	TRẦN PHƯỚC MINH LUẬN	206034089	6.75	2.00	3.00	6.80		5.00		
DDK005749	TRƯƠNG TRỊNH MINH LUẬN	206268110	5.75	2.65	2.75	6.80		4.60		
DDK005750	CAO VĂN LUẬT	206330790	2.50	2.38	4.50		6.00		3.75	
DDK005751	DOÀN THẾ LUẬT	206089791	4.00	2.13	3.50		7.00		4.75	
DDK005752	HUỲNH VĂN LUẬT	206349728	8.50	2.75	4.00	8.20		7.80		
DDK005753	LÊ VĂN LUẬT	206067065	8.00	3.53	5.75	7.60		8.00		5.80
DDK005754	NGUYỄN THÀNH LUẬT	206237092	6.25	4.93	3.25			7.60		8.20
DDK005755	NGUYỄN TIẾN LUẬT	206236786	1.25	2.00	2.25		4.00			
DDK005756	NGUYỄN XUÂN LUẬT	206068875	6.00	3.63	3.50			4.00		4.40
DDK005757	TRẦN QUANG LUẬT	206221458	1.50	2.13	1.50		2.00			
DDK005758	NGUYỄN LỤC	206066616	6.25	2.13	3.50	7.40		7.80		
DDK005759	NINH XUÂN LỤC	205563019			3.25		5.75		4.25	
DDK005760	TRẦN DUY LỤC	206088428	4.25	2.25	3.50	4.80		6.80		
DDK005761	ZƠRÂM LÚI	206171279	2.75		3.25		3.50		3.00	
DDK005762	NGUYỄN THỊ KHÁNH LUY	206267765	5.75	2.40	3.25	7.80		6.60		
DDK005763	PHẠM HUYỀN LUYÊN	206362085	5.50	3.50	4.50			5.80		5.40
DDK005764	ĐỖ THỊ KIM LUYẾN	206067772	1.00	1.88	2.75		1.75			

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005765	ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN	206088025	4.75	1.88	2.00	5.20				
DDK005766	ĐOÀN THỊ LUYẾN	206070917	0.75	2.28	4.00		4.50		3.00	
DDK005767	HỒ THỊ LUYẾN	206311175	4.25	2.98	5.00			3.80		5.00
DDK005768	HUỲNH THỊ LUYẾN	206318425	6.50	6.50	5.00		5.00			
DDK005769	HUỲNH THỊ NGỌC LUYẾN	206235819	4.00	4.38	5.00	4.80				0.00
DDK005770	NGUYỄN THỊ HỒNG LUYẾN	206069523	8.50	3.13	5.00	7.00		7.40		5.80
DDK005771	NGUYỄN THỊ HOÀI LUYẾN	206035526	1.75	2.00	4.25		3.50			
DDK005772	NGUYỄN THỊ LUYẾN	206104539	6.00			6.20		5.40		
DDK005773	NGUYỄN THỊ LUYẾN	206066218	2.00		4.50					
DDK005774	NGUYỄN THỊ LUYẾN	206316539	2.50	2.93	3.50			4.60		5.40
DDK005775	NGUYỄN THỊ LUYẾN	206184682	3.75	3.63	2.75	5.00				
DDK005776	NGUYỄN THỊ NGỌC LUYẾN	206184665	5.50	2.23	4.50	6.80		7.40		4.40
DDK005777	NGUYỄN THỊ THẢO LUYẾN	206118073	7.00					7.80		7.20
DDK005778	NGUYỄN THỊ VŨ LUYẾN	206221869	1.75	2.13	2.25		3.50			
DDK005779	NGUYỄN VĂN LUYẾN	206121808	6.50		4.75	6.60		4.40		
DDK005780	PHAN THỊ LUYẾN	206069191	4.50	2.50	3.50		3.25			
DDK005781	PHAN VĂN LUYẾN	206350877	3.00	2.63	3.50		3.25			
DDK005782	PHẠM THỊ LUYẾN	206066577	1.50	2.13	3.50		2.50		4.50	
DDK005783	TRẦN THỊ LUYẾN	206194592	6.50	4.10	7.00		6.50		2.75	
DDK005784	ĐOÀN NGỌC LUYN	206027370	2.75	1.75	3.25	3.20	3.25			
DDK005785	NGUYỄN THỊ LƯ	206195835	5.25	3.90	5.00	6.00				
DDK005786	HÀ ĐỨC LỰC	206141002	1.25	2.63	3.50	2.80	6.25			
DDK005787	BẠCH TẤN LỰC	206067945	2.50	3.00	3.00		4.75			
DDK005788	ĐỔ PHÚ TẤN LỰC	205748458			3.00		3.00		4.00	
DDK005789	ĐINH THẾ LỰC	206220820	1.50	2.75	3.25	3.60	3.50	3.60		
DDK005790	ĐẶNG VĂN LỰC	206306482	6.25	2.78	2.50	7.20		8.00		
DDK005791	ĐOÀN ĐỨC LỰC	206118081	5.50	3.13	4.00	6.60		6.80		
DDK005792	HỒ ĐẮC LỰC	206318610	5.75	2.13	3.25	7.20		7.20		
DDK005793	HÀ CÔNG LỰC	206047048	6.75	3.40	3.75	6.80		5.00		
DDK005794	HUỲNH ĐÌNH TẤN LỰC	206141363	2.25	1.98	6.00		5.50		3.00	
DDK005795	HUỲNH HỮU LỰC	206238002	5.25	4.58	6.25		5.00			
DDK005796	LÊ VĂN LỰC	201777415	5.50	4.13	2.50	4.60				
DDK005797	LÊ VĂN LỰC	206070695	3.00	2.88	5.00		5.25		2.75	
DDK005798	NGÔ VĂN LỰC	206196586	6.00			7.20		6.00		3.00
DDK005799	NGUYỄN DUY LỰC	206120796	5.00	1.50	4.00	5.60		8.00		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005800	NGUYỄN ĐÌNH LỰC	206241766	1.50	3.18	2.75		3.00			
DDK005801	NGUYỄN ĐÌNH LỰC	205858636	6.00					6.20		7.20
DDK005802	NGUYỄN HỮU LỰC	206330698	6.00	2.53	2.25	6.60		5.20		
DDK005803	NGUYỄN PHÚ LỰC	206123180	2.00		2.25		4.50	5.00		3.00
DDK005804	NGUYỄN THÀNH LỰC	206131069	7.00	2.25	3.75	6.80		6.60		
DDK005805	NGUYỄN VĂN LỰC	205948265	1.50	4.73	1.00		4.25			
DDK005806	NGUYỄN XUÂN LỰC	206178306	7.00	3.63	4.50	7.80		8.00		
DDK005807	PHAN ĐÌNH LỰC	206316989	4.75	1.75	4.75	4.80				4.00
DDK005808	PHAN THÀNH LỰC	205999263	8.00					5.80		5.60
DDK005809	PHAN VĂN LỰC	206017225	7.25			7.60		7.00		6.60
DDK005810	PHẠM TẤN LỰC	206098607	5.75	2.90	4.50	5.20				
DDK005811	TRẦN THỊ LỰC	206235964	4.75	2.25	6.50		7.75		6.25	
DDK005812	TRẦN VĂN LỰC	206121390	5.25	1.88	2.50	6.60		6.00		
DDK005813	TRẦN XUÂN LỰC	206215067			2.50		3.50		3.00	
DDK005814	VÕ DƯƠNG TOÀN LỰC	206089641	3.25	2.73	4.50			5.60		
DDK005815	VÕ TẤN LỰC	206268314	3.00	2.40	3.50			3.60		
DDK005816	BHLING LƯỢC	206171248	1.50							3.60
DDK005817	LÊ TRUNG LƯỢM	206266453	8.00	3.03	4.00	7.60		8.00		
DDK005818	NGUYỄN THỊ LƯỢM	206187914	4.75	2.75	4.50	4.80		5.40		3.40
DDK005819	TRẦN VĂN LƯỢM	206199527	4.75	2.88	3.00		4.75			
DDK005820	LÊ QUỐC LƯƠNG	206066300	1.75	1.50	5.50			4.00		3.00
DDK005821	NGUYỄN NGỌC HOÀNG LƯƠNG	206204841	5.50	4.40	4.50	6.40				
DDK005822	PHẠM CAO LƯƠNG	206012771	4.75	3.13	4.25	5.80		5.80		
DDK005823	PHẠM HOÀNG LƯƠNG	206318189	2.50	2.63	3.75			3.80		4.40
DDK005824	RAĐAH LƯƠNG	206170219	1.75			3.60		3.20		3.20
DDK005825	TRƯƠNG ĐỨC LƯƠNG	206349874	1.50	3.00	2.00	4.60		2.80		
DDK005826	HỒ NGỌC LƯỢNG	206070194	3.75	3.35	3.25					
DDK005827	HỒ VĂN LƯỢNG	206339194			1.25		2.00		0.75	
DDK005828	LÊ NHƯ LƯỢNG	206266822	5.50	6.88	5.75		5.25			
DDK005829	NGÔ THỊ LƯỢNG	206070559	4.00	2.75	2.00	7.40		3.00		
DDK005830	NGUYỄN TẤN LƯỢNG	206237862	5.75	2.38	5.50			5.60		4.60
DDK005831	PHẠM VĂN LƯỢNG	206284676	4.25	2.50	2.75	5.60		4.20		
DDK005832	PHẠM VIẾT LƯỢNG	206202638	5.75	2.38	2.50	5.00		7.40		
DDK005833	CAO VĂN LƯU	206150395	2.25		3.25		4.50		1.50	
DDK005834	ĐỖ THỊ NHƯ LƯU	206313286	3.83	3.13	1.75	6.20				

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005835	ĐỖ THÀNH LƯU	206240123	5.00	2.23	4.25	6.00		4.80		
DDK005836	ĐINH VĂN LƯU	206216802	1.75	1.88	2.75		5.25			2.60
DDK005837	HỒ ĐĂNG LƯU	206107280	2.25	2.13	3.25					4.60
DDK005838	HỒ VĂN LƯU	206215673			0.00		0.00		0.00	
DDK005839	HỨA THỊ HOÀI LƯU	206029060	6.00	2.00	3.50	7.20		4.80		
DDK005840	LÊ CÔNG LƯU	205994795	5.75			5.20		6.40		5.80
DDK005841	LÊ QUÍ LƯU	206108581	7.00			8.20		7.40		
DDK005842	LÊ THỦY VÂN LƯU	206220687	5.25	2.38	5.50	6.60		6.00		4.00
DDK005843	NGUYỄN ĐÌNH LƯU	205993067	7.25			6.00		4.60		
DDK005844	NGUYỄN THỊ HẢI LƯU	206312905	8.50			8.20		7.80		3.20
DDK005845	NGUYỄN THANH LƯU	206220452	3.50	2.75	3.50	4.00	4.00	4.40		
DDK005846	PHAN VĂN LƯU	206070638	3.25	1.98	3.00	6.60		3.00		
DDK005847	TRƯƠNG THỊ DIỄM LƯU	206088103			3.50		4.50		3.75	
DDK005848	LÊ THỊ LỰU	206240212	2.50	2.63	3.00		2.75			
DDK005849	LÊ XUÂN LỰU	206220481	2.00	2.63	2.50		3.25			
DDK005850	NGUYỄN THỊ HOA LỰU	206240628	5.75	2.98	5.50					
DDK005851	NGUYỄN THỊ LỰU	206079919	3.75	2.35	4.00	4.00				
DDK005852	NGUYỄN THỊ LỰU	206241372	1.25	2.75	5.00		4.75		2.50	
DDK005853	NGUYỄN THỊ LỰU	206185314	3.00					3.60		4.20
DDK005854	PHAN THỊ LỰU	206241226	1.75	2.00	4.00		4.00			
DDK005855	PHÙNG THỊ LỰU	206106264	6.00	3.63	5.25	6.80				
DDK005856	TRIỆU THỊ LỰU	205965613			2.50		2.25		5.50	
DDK005857	TRẦN THỊ NHƯ LỰU	206070463	3.00	2.15	3.50	4.00				
DDK005858	BÙI NGUYỄN KHÁNH LY	205993137	3.00		2.75					
DDK005859	BÙI THỊ KHÁNH LY	206070753	4.00	2.20	3.00		3.25			
DDK005860	BÙI THỊ LY	206288133	2.00	4.20	3.00		3.75			
DDK005861	BÙI THỊ THẢO LY	206221098	6.00	4.60	5.25	8.60				
DDK005862	CAO THỊ LY LY	206104715	5.50	2.98		5.60		5.80		
DDK005863	CHÂU THỊ NGỌC LY	206235478	1.75	2.85	4.00		2.75			
DDK005864	DOÃN HUY LY LY	206079793	2.50	3.50	3.75		3.00			
DDK005865	DƯƠNG THỊ KHÁNH LY	206141679	5.00	2.25	3.25	5.00		4.40		
DDK005866	ĐỖ SONG LY	206303888	5.75	4.75	2.25	7.00				
DDK005867	ĐỖ THỊ LY LY	206118115	5.00	5.93	2.50	8.20				
DDK005868	ĐỖ THI LY	206109048	2.25	2.38	4.00	4.60		5.60		6.00
DDK005869	ĐÀO THỊ LY	206315832	4.25	2.63	2.25	6.40		4.80		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005870	ĐINH HỒ THẢO LY	206119643	7.25	6.68	5.25	8.20				
DDK005871	ĐINH NGUYÊN LY	206120745	6.75			5.60		7.20		4.00
DDK005872	ĐẶNG THỊ CHÂU LY	205981480	5.75	2.88	3.50	7.20		5.00		
DDK005873	ĐẶNG THỊ KHÁNH LY	206141155	5.50	3.53	6.00		8.25		4.25	
DDK005874	ĐẶNG THỊ LY	206065481	2.25	2.50	4.00		5.25		3.25	
DDK005875	ĐOÀN THỊ KHÁNH LY	206221798	6.50	2.80	5.25	6.80		5.20		
DDK005876	ĐOÀN THỊ TRÚC LY	206141943	6.00	3.80	4.50	7.20		7.20		6.20
DDK005877	ĐOÀN THẢO LY	206119129	2.00	1.98	4.75		3.00			
DDK005878	HỒ DIỆU LY	206084027	7.50			5.60		6.60		7.80
DDK005879	HỒ THỊ LY	206222050	7.25	2.13	4.00	7.40		6.20		
DDK005880	HẠ THỊ MỸ LY	205960016	3.50	4.10	5.00		5.25			
DDK005881	HỒ THỊ NGỌC LY	206361067	1.25	2.75	5.75		5.00		2.75	
DDK005882	HOÀNG THỊ LY LY	206151768	1.50		5.00		4.50		1.75	
DDK005883	HUỲNH THỊ LY	206240668	5.75	2.35	3.75	5.60		6.00		
DDK005884	HUỲNH THỊ LY LY	206178688	3.00	2.60	2.25		4.00			
DDK005885	HUỲNH THỊ THẢO LY	206025727	4.25			5.40		6.60		5.20
DDK005886	LÊ CHUNG THÚY LY	206317420	5.50	2.50	2.50	6.00		5.00		
DDK005887	LÊ THỊ ÁI LY	206070472	6.50	3.45	6.75			4.20		
DDK005888	LÊ THỊ DIỄM LY	205888127	5.25			5.40		6.60		
DDK005889	LÊ THỊ HOÀNG LY	206138008	3.75	4.15	2.00	5.60				
DDK005890	LÊ THỊ LY	206350153	0.00	2.73	4.25		3.50		1.75	
DDK005891	LÊ THỊ LY LY	206037526	4.75	4.55	5.50		4.75			
DDK005892	LÊ THỊ TRÚC LY	206068069	1.75	2.00	2.00		3.75			
DDK005893	LÊ THỊ VÂN LY	206266474	1.75	3.00	6.25		6.25		4.75	
DDK005894	LÊ THẢO LY	205980061	6.50	7.00	6.75	8.60				
DDK005895	LƯU THỊ KHÁNH LY	206331920	7.50	3.55	4.25	8.00		8.00		
DDK005896	LƯU THỊ THANH LY	206263413	8.50					7.00		7.00
DDK005897	LÝ THỊ ÁNH LY	206220881	6.50	6.83	7.00	7.60				
DDK005898	NGÔ THỊ HOÀNG LY	206106539	4.25	2.98	5.00		4.50			
DDK005899	NGÔ THỊ KHÁNH LY	206296047	5.25	2.63	2.50	6.00		3.60		
DDK005900	NGÔ THỊ KHÁNH LY	206070647	3.50	2.68	4.50		6.75		6.25	
DDK005901	NGÔ THỊ LƯU LY	206144348	4.50	4.13	4.75	5.80		5.60		
DDK005902	NGÔ YẾN LY	206098608	3.75	2.00	3.50		3.50			
DDK005903	NGUYỄN BÍCH LY	206138344	5.75	6.25	5.50		4.25			
DDK005904	NGUYỄN DUY LY	206266451	4.25	3.00	3.50	4.80	5.75			

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005905	NGUYỄN HỒ HOÀNG THẢO LY	206196028	6.25	4.18	3.75	8.00				
DDK005906	NGUYỄN HOÀNG LY	206178236	6.75	2.28	6.50			7.20		5.60
DDK005907	NGUYỄN KHÁNH LY	206012583	6.25	3.40	3.00	7.00		5.40		
DDK005908	NGUYỄN LÊ TRÚC LY	205981132	4.50	3.28	4.75	6.20				
DDK005909	NGUYỄN NHƯ LY	206268528	7.00	2.40	4.00	7.20		7.20		
DDK005910	NGUYỄN NHƯ Ý LY	206317265	6.25	2.50	3.25	6.80		5.80		
DDK005911	NGUYỄN THỊ ÁI LY	206079738	8.25	7.43	5.75	8.20		7.20		6.20
DDK005912	NGUYỄN THỊ ÁNH LY	206117049	3.50	2.50	6.00		8.25		7.25	
DDK005913	NGUYỄN THỊ ÁNH LY	272617512	2.00	2.50	4.75		3.00			
DDK005914	NGUYỄN THỊ DIỄM LY	206148233	4.50	4.73	3.50	6.20				
DDK005915	NGUYỄN THỊ HỒNG LY	206117288	2.00	2.50	6.00		5.00		5.00	
DDK005916	NGUYỄN THỊ HOÀNG LY	206331154	7.00	3.90	3.50			7.20		
DDK005917	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY	206209125	2.00	2.85	3.50		5.50			
DDK005918	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	206144484	4.25	2.28	2.75	5.80				
DDK005919	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	205981861	5.00			6.20		2.60		0.00
DDK005920	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	206012204	2.75	2.38	3.50	4.20	5.00	0.00		0.00
DDK005921	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	206018315	4.25	1.85	3.50		4.50			
DDK005922	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	206120827	4.75	1.88	4.25	4.80		5.80		5.20
DDK005923	NGUYỄN THỊ KIM LY	206206335	4.00	3.63	5.50		5.50			
DDK005924	NGUYỄN THỊ KIM LY	206220535	4.25	2.30	5.75		7.75		7.00	
DDK005925	NGUYỄN THỊ KIM LY	206184051	5.25	2.48	2.75	5.20				
DDK005926	NGUYỄN THỊ KIM LY	206317972	5.50	2.85	3.50	6.40				
DDK005927	NGUYỄN THỊ LƯU LY	206235870	2.50	2.38	6.75		8.25		6.75	
DDK005928	NGUYỄN THỊ LY	206204464	5.75	3.18	4.75	6.20		6.80		
DDK005929	NGUYỄN THỊ LY	206314117	5.00	1.88	3.25	4.60		4.20		
DDK005930	NGUYỄN THỊ LY	206360761	6.25	4.00	3.50	7.40		7.20		6.60
DDK005931	NGUYỄN THỊ LY	206260025	4.75	2.38	3.50			5.20		4.00
DDK005932	NGUYỄN THỊ LY	206360248	2.25	1.85	4.25		5.50		3.50	
DDK005933	NGUYỄN THỊ LY	206267354	6.75	2.48	3.50	7.60		6.80		
DDK005934	NGUYỄN THỊ LY	206349016	5.75		5.00					
DDK005935	NGUYỄN THỊ LY	206360714	3.50	3.30	7.00		5.25			
DDK005936	NGUYỄN THỊ LY	206178217	5.25	3.28	4.50	4.00				
DDK005937	NGUYỄN THỊ LY	206144174	7.25	3.05	6.50	7.20		6.80		
DDK005938	NGUYỄN THỊ LY LY	206034299	1.00	1.38	2.50		4.00			
DDK005939	NGUYỄN THỊ LY LY	206236172	4.50	2.13	2.50	4.80		6.00		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005940	NGUYỄN THỊ MỸ LY	206236195	4.75	2.75	2.25	3.40		6.20		
DDK005941	NGUYỄN THỊ MỸ LY	206331511	6.25	3.48	5.75		8.75		5.75	
DDK005942	NGUYỄN THỊ MAI LY	206131620	3.25	2.63	2.00	5.40				
DDK005943	NGUYỄN THỊ THANH LY	206269417	5.25	3.15	6.25	6.60		6.00		
DDK005944	NGUYỄN THỊ THANH LY	206260775	5.00	2.80	5.00	5.40				
DDK005945	NGUYỄN THỊ THẢO LY	206332616	3.00	3.10	3.50			4.00		5.20
DDK005946	NGUYỄN THỊ THẢO LY	206313278	5.50	3.43	2.50	5.80		5.40		
DDK005947	NGUYỄN THỊ YẾN LY	206141927	6.75	4.13	5.00	7.00		7.60		
DDK005948	NGUYỄN THU TIỂU LY	206283697	5.75	7.08	6.00	4.00	5.75			
DDK005949	NGUYỄN TRẦN THẢO LY	206193601	6.25	6.50	3.50	6.00				
DDK005950	NGUYỄN VIẾT LY	206117209	3.25	2.88	1.75	5.40		5.00		
DDK005951	PHAN HUỲNH LY	206292777	6.25	2.38	5.25	7.60		6.80		
DDK005952	PHAN LÊ KHÁNH LY	206200926	6.75	2.73	4.00	4.60		6.80		6.40
DDK005953	PHAN THỊ HỒNG LY	206236633	6.50	3.86	3.75	5.80				
DDK005954	PHAN THỊ LY	206267353	4.00	2.68	4.25		4.25			
DDK005955	PHAN THỊ LY	206205716	7.00	4.15	5.25	6.60				
DDK005956	PHAN THỊ MỸ LY	206119158	3.50	3.30	3.00	4.20				
DDK005957	PHAN THỊ YẾN LY	206178403	6.50	2.45	5.25	7.40		6.40		
DDK005958	PHAN THẢO LY	206028046			6.00		5.00		5.75	
DDK005959	PHẠM THỊ LY	206141371	4.25	2.38	4.00		4.50			
DDK005960	PHẠM THỊ PHƯƠNG LY	206131651	5.50	2.75	5.75	6.20		6.00		
DDK005961	PHẠM THỊ TRÚC LY	206267644	6.75	2.00	6.00			6.40		6.60
DDK005962	PHẠM TRẦN HIỀN LY	206037880	3.00	3.00	4.00	4.20				
DDK005963	THÁI THỊ KHÁNH LY	206360654	5.75	3.05	2.75	5.60				
DDK005964	THỦY HÀ LY	206104666	5.25	2.80	6.75	5.00				
DDK005965	TRÀ NGUYỄN SÔNG LY	206208577	3.00	2.50	4.25		2.25			
DDK005966	TRẦN KHÁNH LY	206222045	6.75	2.38	4.75	7.20		6.80		
DDK005967	TRẦN THỊ HƯƠNG LY	194575610			6.50		7.75		7.00	
DDK005968	TRẦN THỊ KHÁNH LY	206122316	7.50	7.38	4.75	6.20		7.20		
DDK005969	TRẦN THỊ KIM LY	206209365	2.75	2.93	4.50		2.75			
DDK005970	TRẦN THỊ LY	206314491	3.75	2.63	4.50		4.50			
DDK005971	TRẦN THỊ LY	206104713	2.50	1.63	4.00		3.25			
DDK005972	TRẦN THỊ LY	205960659	5.00			6.80		5.20		
DDK005973	TRẦN THỊ LY	206201757	4.50	2.50	4.25	7.00		4.20		4.00
DDK005974	TRẦN THỊ MAI LY	205915166	8.00			8.60		9.00		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK005975	TRẦN THỊ MY LY	206331623	3.50	2.50	4.00		3.25			
DDK005976	TRẦN THỊ THANH LY	206178109	2.00	3.13	4.50		5.50		2.50	
DDK005977	TRẦN THỊ THẢO LY	206081847	5.75	8.02	7.75		5.25			
DDK005978	TRƯƠNG THỊ THẢO LY	206208658	5.00	2.00	6.00		3.75	4.00		3.60
DDK005979	TRƯƠNG THỊ TUYẾT LY	206079783	3.50	2.75	3.50		4.50			
DDK005980	VÕ HIỀN LY	206047143	7.25	5.73	7.25		5.50			
DDK005981	VÕ THỊ MỸ LY	206333775	2.25	2.25	4.50	4.60		4.60		5.00
DDK005982	VÕ THỊ THANH LY	206194999	3.75	1.88	4.50		5.50		4.25	
DDK005983	VÕ THỊ THANH LY	206195866	4.25	2.13	4.25			3.80		5.40
DDK005984	VÕ THỊ THẢO LY	206333832	5.50	2.50	4.50			5.80		4.20
DDK005985	VÕ THỊ YẾN LY	206084773	4.50	2.38	5.25		5.75			
DDK005986	ALĂNG LÝ	206152173	2.00		5.75		6.75		6.00	
DDK005987	ĐÀO THỊ LÝ	206029040	6.00	2.85	5.00	6.80		5.20		
DDK005988	ĐINH THỊ LÝ	206208767	6.00	3.55	6.00	6.20				
DDK005989	ĐẶNG THỊ LÝ	206012297	7.00	3.40	3.75	5.60		6.00		7.60
DDK005990	ĐẶNG THỊ LÝ	206198475	4.00	2.68	5.00		4.00			
DDK005991	ĐOÀN THỊ MINH LÝ	206204038	5.50	2.63	3.00	7.20		6.40		
DDK005992	ĐOÀN THỊ THẢO LÝ	206103527	6.00	4.73	5.00	5.40		4.60		4.00
DDK005993	HỒ HOÀNG LÝ	206207269	1.50	1.50	3.00		3.25			
DDK005994	HỒ NGỌC LÝ	206161627	0.75		1.50		3.00		1.50	
DDK005995	HỒ THỊ KIM LÝ	206019654	5.75	2.53	3.00	6.60		6.00		
DDK005996	HỒ THỊ MAI LÝ	206044667	7.25	5.90	6.00	7.60				
DDK005997	HUỲNH HẢI LÝ	206221590			5.00		5.25		4.75	
DDK005998	HUỲNH THỊ MAI LÝ	206241082	4.25	2.75	3.75		4.50			
DDK005999	HUỲNH THỊ NHƯ LÝ	206220875	4.25	2.98	3.50	3.80				
DDK006000	LÊ THỊ HOÀNG LÝ	206141473	4.75	4.25	4.25					2.60